

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Trường THCS	KQ năm học lớp 9						Điểm cộng		Kết quả điểm thi				Ghi chú
						KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Văn	ĐTB Toán	ĐTB Anh	ƯT	KK	Văn	Toán	Anh	Tổng điểm	
1	450001	Dương Mai An	16/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Trần Phú	T	T	G	8.6	8.1	7.2			8.5	7.75	7.2	23.45	
2	450002	Dương Văn Bảo An	28/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thiệu Dương	T	Đ		5.9	6.7	5.4			8	8	6.4	22.4	
3	450003	Đình Phúc An	04/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Thịnh	T	T	G	8.1	8.9	8.5			8.25	9	9.4	26.65	
4	450004	Hà Thái An	18/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Cù Chính Lan	T	K		7.2	7.2	6.6	1		8	8.25	6.6	23.85	
5	450005	Lê Đình An	26/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Khê	T	K		7.6	7.2	7			7	8.5	7.4	22.9	
6	450006	Lê Hữu Thành An	23/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Trần Phú	T	K		8.5	6.7	7.1			8.5	7.5	5.2	21.2	
7	450007	Lê Phước An	03/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thiệu Dương	T	K		7.4	7.2	6.5			7.75	8.5	7	23.25	
8	450008	Lê Thùy An	24/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Tân	T	T	G	8.9	8.6	9			8.5	8.5	9	26	
9	450009	Mai Khánh An	24/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Trần Phú	T	T	G	8.7	7.2	7.7			8.75	7.75	6.4	22.9	
10	450010	Ngô Thị Khánh An	09/11/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	THCS Đông Ninh	T	Đ		6.9	6.6	6.2			8.25	7	6	21.25	
11	450011	Nguyễn Hoài An	03/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nguyễn Chích	T	K		7.9	7.3	6.4			7.5	7.25	5.6	20.35	
12	450012	Nguyễn Thị Khánh An	22/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thiệu Khánh	T	K		8	6.7	6.9			8.25	7.75	7.2	23.2	
13	450013	Nguyễn Thị Thái An	16/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thiệu Khánh	T	Đ		7.1	6.1	5.2			7.75	6.75	5.4	19.9	
14	450014	Thiều Khắc Trường An	20/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Tiến	T	K		6.1	7.5	5.7			7	8.75	5.6	21.35	
15	450015	Trần Khánh An	07/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Trần Phú	T	K		7.8	7.4	6.8			8	7	6.6	21.6	
16	450016	Trần Nguyễn Phúc An	01/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nguyễn Chích	T	T	G	8.2	8.2	9.3			8.25	7	9	24.25	
17	450017	Trần Thị Thủy An	10/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Trần Phú	T	K		7.9	6	6.9			8.25	7.5	5.8	21.55	
18	450018	Nguyễn Đào Ana	25/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Ninh	T	T	G	7.6	6.8	8.1			8	7.25	7	22.25	
19	450019	Bùi Diệp Anh	12/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nguyễn Văn Trỗi	T	Đ		5.2	5.4	5.1			5	7.5	2	14.5	
20	450020	Bùi Lê Hà Anh	18/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Tân	T	K		7.6	9.2	6.8			6.5	7.25	6.8	20.55	
21	450021	Bùi Lê Hà Anh	09/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Trần Phú	T	T	G	8.7	7.3	8			8.5	7.5	8.6	24.6	
22	450022	Cao Phạm Đức Anh	03/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Trần Phú	T	Đ		7.6	6	6.1			7.25	7	4	18.25	
23	450023	Doãn Huy Việt Anh	12/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Thịnh	T	T	G	7.7	8.2	8.3			7.25	8.75	9.2	25.2	
24	450024	Dương Công Tuấn Anh	27/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thiệu Dương	T	K		6.8	8.3	6.6			8	8.25	6.8	23.05	

Danh sách này gồm có 24 thí sinh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
Thanh Hóa, ngày.....tháng.....năm 2026
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Trường THCS	KQ năm học lớp 9						Điểm cộng		Kết quả điểm thi				Ghi chú
						KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Văn	ĐTB Toán	ĐTB Anh	ƯT	KK	Văn	Toán	Anh	Tổng điểm	
1	450025	Dương Thị Lan Anh	10/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thiệu Khánh	T	K		7.3	7	6.7			7.75	7.25	7.6	22.6	
2	450026	Dương Tuấn Anh	02/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thiệu Dương	T	Đ		6.6	6.2	5.1			6.75	7.5	4.2	18.45	
3	450027	Đàm Văn Anh	06/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Tân	T	T	G	8.9	8.3	9.4			8	8.5	8.2	24.7	
4	450028	Đoàn Bảo Anh	27/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thiệu Khánh	T	K		7.8	7	7.1			7.5	7.5	6.8	21.8	
5	450029	Đỗ Đức Anh	11/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Tân	T	K		7.4	7.1	7.3			7.5	8.5	7	23	
6	450030	Đỗ Nam Anh	14/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Quang Trung	T	T	G	8	7.6	7.2			8.25	8	5.4	21.65	
7	450031	Hàn Tuấn Anh	14/03/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	Th, Thcs&thpt Nobel	T	T	G	7.7	8	7.9			7.75	8.75	8	24.5	
8	450032	Hà Thị Phương Anh	27/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Khê	T	T	G	7.9	8.1	7.9			8	8.75	9.4	26.15	
9	450033	Hà Tuấn Anh	05/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Thiệu Văn	T	K		7.2	7.5	7.1			8.25	7.5	6.6	22.35	
10	450034	Hoàng Đình Duy Anh	09/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thiệu Khánh	T	Đ		6.8	6.3	5.3			7	7.5	6.2	20.7	
11	450035	Kim Thị Phương Anh	05/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thiệu Khánh	T	K		8	6	6.9			8.75	6.75	6.6	22.1	
12	450036	Lê Chăm Anh	22/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Cương	T	Đ		5.7	5.1	5.1			8	4.75	5.8	18.55	
13	450037	Lê Đình Anh	03/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS An Hoạch	T	T	G	8	9	6.8			7.25	8.75	7	23	
14	450038	Lê Nguyễn Hoàng Anh	25/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Cù Chính Lan	T	K		8.2	8.2	6.1			8	8.75	4.4	21.15	
15	450039	Lê Nguyễn Hùng Anh	04/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Tân Sơn	T	K		7.7	7.9	5.8			6.75	8.25	4.8	19.8	
16	450040	Lê Thế Anh	01/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Trần Phú	T	T	G	8.4	8	8.9			7.5	8.5	7.8	23.8	
17	450041	Lê Thế Anh	06/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Lĩnh	T	K		7.1	7.8	7.9			7.75	8	8.4	24.15	
18	450042	Lê Thị Huyền Anh	01/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Cương	T	T	G	8.1	6.7	7			8.75	6.75	6.8	22.3	
19	450043	Lê Thị Minh Anh	15/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Minh	T	T	G	8.7	8.4	8			8.5	7.75	7.8	24.05	
20	450044	Lê Thị Phương Anh	01/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Khê	T	K		7.5	7.2	6.8			7.75	8	5.8	21.55	
21	450045	Lê Thị Quỳnh Anh	15/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Ninh	T	K		6.9	5.9	5.7			7.75	4.25	3.6	15.6	
22	450046	Lê Trần Bảo Anh	12/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Minh Khai	T	T	G	8.2	8.2	8			8	7.5	6	21.5	
23	450047	Lê Trịnh Việt Anh	28/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nguyễn Chích	T	K		7.4	7.3	7.3			7.5	7.5	8.4	23.4	
24	450048	Lê Trúc Anh	01/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Điện Biên	T	T	G	7.1	8.1	7.4			6.5	7.5	4.8	18.8	

Danh sách này gồm có 24 thí sinh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
Thanh Hóa, ngày.....tháng.....năm 2026
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Trường THCS	KQ năm học lớp 9						Điểm cộng		Kết quả điểm thi				Ghi chú
						KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Văn	ĐTB Toán	ĐTB Anh	ƯT	KK	Văn	Toán	Anh	Tổng điểm	
1	450049	Lê Văn Đức Anh	30/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Tiến	T	K		8.2	8.8	7.3			8.5	9.25	6.8	24.55	
2	450050	Lê Xuân Tuấn Anh	28/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Thịnh	T	K		6.6	6.3	6.6			7.75	7.5	5.6	20.85	
3	450051	Ngô Phương Anh	13/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Ninh	T	K		7.9	6.5	6.7			8.5	7.5	6.8	22.8	
4	450052	Nguyễn Đức Anh	31/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nguyễn Chích	T	T	G	7.6	8	7.5			7.75	8.25	8.2	24.2	
5	450053	Nguyễn Đức Anh	27/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Tân	T	K		7.5	8.4	6.9			7	8.5	7.2	22.7	
6	450054	Nguyễn Hữu Duy Anh	02/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Cương	T	T	G	8.3	8.6	8			8	8	8.6	24.6	
7	450055	Nguyễn Kim Anh	08/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Tiến	T	T	G	9.2	8.4	8.2			8.75	8.5	8	25.25	
8	450056	Nguyễn Lê Quỳnh Anh	23/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nguyễn Chích	T	T	G	7.7	7.8	8.1			8.25	8	8.6	24.85	
9	450057	Nguyễn Lê Trâm Anh	18/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thiệu Khánh	T	K		7.5	7.7	6.9			8	8.25	7.6	23.85	
10	450058	Nguyễn Ngọc Anh	13/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Trần Phú	T	T	G	9.1	7.2	8.1			8.5	8.25	7.4	24.15	
11	450059	Nguyễn Ngọc Việt Anh	30/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Th, Thcs&thpt Nobel	T	K		7	6.7	7.4			5.25	5.75	3.2	14.2	
12	450060	Nguyễn Phương Anh	14/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Điện Biên	T	K		7.9	6.4	5.7			7	7.75	6.6	21.35	
13	450061	Nguyễn Quỳnh Anh	17/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Văn	T	T	G	8.4	8	8.4			8.5	8.5	7.6	24.6	
14	450062	Nguyễn Thị Lan Anh	26/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Thịnh	T	T	G	8	8.4	6.8			8	8.5	6.8	23.3	
15	450063	Nguyễn Thị Mai Anh	28/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Tân	T	T	G	8.3	7.9	8.6			8	8.25	8	24.25	
16	450064	Nguyễn Thị Mai Anh	08/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Cương	T	K		6.7	6.6	5.6			6.5	7	6	19.5	
17	450065	Nguyễn Thị Phương Anh	15/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Minh	T	K		7.6	6.7	7.1			7.5	7	7.4	21.9	
18	450066	Nguyễn Thị Phương Anh	15/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Thịnh	T	T	G	8.2	7.3	8.2			8	7.75	5.2	20.95	
19	450067	Nguyễn Thị Phương Anh	13/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nguyễn Chích	T	K		7.3	6.5	7			8.25	7.5	5.4	21.15	
20	450068	Nguyễn Thị Trâm Anh	19/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Tân	T	T	G	8.9	8.1	8.5			8	8.25	8.6	24.85	
21	450069	Nguyễn Thị Vân Anh	08/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Tân	T	T	G	8.2	9	9			8.25	8.5	7.6	24.35	
22	450070	Nguyễn Trung Anh	16/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS An Hoạch	T	K		7.3	8.6	7.1			7.25	8.25	8.2	23.7	
23	450071	Nguyễn Vũ Tiến Anh	18/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nguyễn Chích	T	T	G	7.9	8.4	8.3			7.75	8	8	23.75	
24	450072	Quản Phương Anh	30/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Điện Biên	T	T	G	7.6	7.2	8.2			7.75	6.25	4.4	18.4	

Danh sách này gồm có 24 thí sinh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
Thanh Hóa, ngày.....tháng.....năm 2026
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Trường THCS	KQ năm học lớp 9						Điểm cộng		Kết quả điểm thi				Ghi chú
						KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Văn	ĐTB Toán	ĐTB Anh	ƯT	KK	Văn	Toán	Anh	Tổng điểm	
1	450073	Tô Văn Đức Anh	26/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS An Hoạch	T	K		7.6	6.9	6.9			8	8	5.2	21.2	
2	450074	Trần Đức Anh	20/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nguyễn Chích	T	T	G	8.3	8.5	7.4			8.5	8.25	8.4	25.15	
3	450075	Trần Quỳnh Anh	06/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Thịnh	T	K		8.1	8	7.7	1		7	8.25	7.6	23.85	
4	450076	Trịnh Hoàng Văn Anh	02/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Cù Chính Lan	T	K		7.4	6.1	6.4			7.25	7	5.4	19.65	
5	450077	Trương Châu Anh	24/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Th, Thcs&thpt Nobel	T	K		7.6	7.7	7.3			7.5	7.75	6	21.25	
6	450078	Trương Hải Anh	26/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Thiệu Văn	T	K		7.6	6.2	7.8			8.5	7	7.4	22.9	
7	450079	Bùi Thị Ngọc Ánh	24/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS An Hoạch	T	T	G	8.5	9.1	7.6			8	8.5	4	20.5	
8	450080	Dương Ngọc Ánh	27/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thiệu Dương	T	K		7.2	6.4	8.1			8.25	7.5	7.2	22.95	
9	450081	Dương Thị Minh Ánh	13/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thiệu Dương	T	K		8.2	6.6	6.7			8.25	8	6	22.25	
10	450082	Đào Nguyễn Minh Ánh	12/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Lĩnh	T	T	G	8.2	8.1	6.5			8	8.25	4	20.25	
11	450083	Đỗ Thị Ngọc Ánh	07/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Nam	T	K		7.5	7.9	6.2			8	7.75	3.4	19.15	
12	450084	Hồ Thị Ngọc Ánh	04/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thiệu Khánh	T	Đ		8	6.4	5.7			7	8.25	5	20.25	
13	450085	Lê Thị Ngọc Ánh	05/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Hoàng	T	K		7.2	8.4	6.2			8	7.5	5.2	20.7	
14	450086	Lê Thị Ngọc Ánh	19/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Tiến	T	K		8.1	7.3	7.7			8.5	7.75	6	22.25	
15	450087	Nguyễn Hồng Ánh	29/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Thịnh	T	T	G	7.9	8.6	7.7			8.25	8.25	6.8	23.3	
16	450088	Nguyễn Minh Ánh	27/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Anh	T	T	G	8	7.1	8			8	7.75	4.8	20.55	
17	450089	Nguyễn Ngọc Ánh	17/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Trần Phú	T	T	G	8.1	8.3	8.5			7.25	8.5	7.4	23.15	
18	450090	Nguyễn Hoàng Bách	21/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nguyễn Chích	T	T	G	7.5	8	8.2			7.5	8	6.4	21.9	
19	450091	Dương Đình Gia Bảo	13/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thiệu Dương	T	K		6.2	7.4	5.5			7.5	8	9.4	24.9	
20	450092	Đậu Quốc Bảo	05/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Trần Phú	T	K		6.7	6.7	5.3			7	7	2.4	16.4	
21	450093	Lê Hồng Thái Bảo	12/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nguyễn Chích	T	T	XS	8.6	9	9.1			8.25	9.5	9.6	27.35	
22	450094	Lê Ngọc Thái Bảo	08/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Cương	T	K		8	7.2	5.9			7	8	4.4	19.4	
23	450095	Lê Văn Gia Bảo	03/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Cương	T	K		7.3	7.4	5.4			7	8	8.4	23.4	
24	450096	Nguyễn Thái Bảo	28/02/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	TH&THCS Đông Hòa	T	T	XS	9	9	9.1			8.5	8.25	9.4	26.15	

Danh sách này gồm có 24 thí sinh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
Thanh Hóa, ngày.....tháng.....năm 2026
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Trường THCS	KQ năm học lớp 9						Điểm cộng		Kết quả điểm thi				Ghi chú
						KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Văn	ĐTB Toán	ĐTB Anh	ƯT	KK	Văn	Toán	Anh	Tổng điểm	
1	450097	Nguyễn Thế Gia Bảo	10/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Th, Thcs&thpt Nobel	T	T	G	8.1	8	8.5			7	7.5	4.4	18.9	
2	450098	Thiều Gia Bảo	11/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Thịnh	T	K		7.3	8.5	7.2		0.5	7.75	8.5	7.2	23.95	
3	450099	Trình Gia Bảo	13/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Thiệu Giao	T	K		7.3	8	6.7			7.5	8	7	22.5	
4	450100	Nguyễn Trần Khánh Băng	25/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thiệu Khánh	T	Đ		7.3	5.1	6.7			8	4.5	5.4	17.9	
5	450101	Lê Thị Ngọc Bích	21/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Khê	T	T	G	7.8	8.2	8			7	8.5	6	21.5	
6	450102	Doãn Thanh Bình	26/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Thịnh	T	K		7.2	6.2	6.7			5.75	6	6.8	18.55	
7	450103	Lê Thúy Bình	10/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Cương	T	K		7.3	7.4	5.1			6.5	8.25	4.8	19.55	
8	450104	Lê Vũ Bình	31/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Th, THCS & THPT Đông Bắc Ga	T	K		7.1	5.1	7.4			6.25	7.25	8.4	21.9	
9	450105	Hoàng Quế Châm	08/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Thiệu Văn	T	T	G	8.2	8.7	8.4			7.75	8.5	8.8	25.05	
10	450106	Lê Thị Quỳnh Châm	25/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Thiệu Giao	T	K		8.1	7.7	6.5			8.25	8	4	20.25	
11	450107	Lê Ngọc Bảo Châu	16/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Khê	T	K		8	7.4	6.4			7.75	8.25	5.6	21.6	
12	450108	Nguyễn Bảo Châu	26/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nguyễn Chích	T	T	G	8.4	9.3	8.6			7.75	8	7.8	23.55	
13	450109	Nguyễn Mạnh Bảo Châu	10/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Thịnh	T	K		7.2	8.4	7.9			7.75	8.5	8	24.25	
14	450110	Nguyễn Minh Châu	11/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nguyễn Chích	T	T	G	8.2	8.6	8.7			8	7.25	9.2	24.45	
15	450111	Nguyễn Ngọc Bảo Châu	25/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Hương	T	K		7.3	6.5	5.4			7.5	6.75	4.4	18.65	
16	450112	Nguyễn Thị Minh Châu	15/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Tiến	T	T	G	8.5	9.1	9.3			7.75	8.5	9.6	25.85	
17	450113	Nguyễn Thị Minh Châu	10/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nguyễn Chích	T	K		8.4	7.5	7.9			7.5	7.75	8.6	23.85	
18	450114	Nguyễn Thị Ngọc Châu	10/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	PT Nguyễn Mộng Tuân	T	K		8.3	7.1	7.5			7.5	6.75	6	20.25	
19	450115	Lang Quế Chi	10/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Trần Phú	T	T	G	8.7	8.4	8	1		7.5	8	8.6	25.1	
20	450116	Lê Nguyễn Yến Chi	09/05/2011	Tỉnh Quảng Trị	THCS Đông Cương	T	T	G	9.2	8.7	8.8			8	8.25	9.2	25.45	
21	450117	Lê Thảo Chi	10/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Khê	T	T	G	8.4	7.5	7.7			7.25	7.25	7.6	22.1	
22	450118	Lê Thị Kim Chi	12/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Minh	T	T	G	8.3	9	7.1			8.75	7.75	7.2	23.7	
23	450119	Nguyễn Thị Quỳnh Chi	17/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Thịnh	T	K		7.7	7.3	7			8	8.25	5.8	22.05	
24	450120	Nguyễn Vũ Quỳnh Chi	19/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nguyễn Chích	T	K		7.5	7.5	7.3			8.5	7.75	7	23.25	

Danh sách này gồm có 24 thí sinh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
Thanh Hóa, ngày.....tháng.....năm 2026
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Trường THCS	KQ năm học lớp 9						Điểm cộng		Kết quả điểm thi				Ghi chú
						KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Văn	ĐTB Toán	ĐTB Anh	ƯT	KK	Văn	Toán	Anh	Tổng điểm	
1	450121	Thiều Hà Chi	30/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nguyễn Chích	T	T	G	8	7.2	8.5			8.5	7.25	8.4	24.15	
2	450122	Lương Trọng Chiến	23/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thiệu Dương	T	Đ		5.8	6.8	7.6			6	6.5	7.2	19.7	
3	450123	Phạm Văn Chiến	25/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Tiến	T	T	G	8.4	8.9	8.5			7	8.75	7.4	23.15	
4	450124	Lê Bá Hoàng Chung	25/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Minh	T	K		8.1	7	9.3			8	7.25	9.4	24.65	
5	450125	Lê Đăng Mạnh Cường	10/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Hoàng	T	T	G	8.2	9.1	7.6			8.5	8.75	8.6	25.85	
6	450126	Tổng Mạnh Cường	10/03/2009	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Tiến	T	K		6.5	6.6	6.6			6.25	2	2.4	10.65	
7	450127	Bùi Thị Ngọc Diệp	13/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Th, Thcs&thpt Nobel	T	T	G	8.5	8	8.2			8	7.75	7.6	23.35	
8	450128	Lê Ngọc Diệp	28/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Trần Phú	T	K		8.5	6.7	7.2			8	8.75	8.2	24.95	
9	450129	Lê Thị Ngọc Diệp	14/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Tân	T	K		7.6	6.6	6			6.5	6	4.8	17.3	
10	450130	Nguyễn Ngọc Diệp	16/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Trần Phú	T	T	G	8.1	7	8.6			8	8	7.2	23.2	
11	450131	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	01/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nguyễn Chích	T	T	G	8.1	8.3	8.7			8.25	8.25	8.2	24.7	
12	450132	Lê Mai Dung	29/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nguyễn Chích	T	T	G	8.3	8.4	7.8			8.5	8.75	7.6	24.85	
13	450133	Lê Phương Dung	05/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Thịnh	T	K		8.3	7.6	7.7			6.75	7.75	8.2	22.7	
14	450134	Lê Thị Thùy Dung	11/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Khê	T	T	G	8.1	8.1	8			7.25	8.5	8	23.75	
15	450135	Lê Trịnh Mai Dung	30/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nguyễn Chích	T	T	G	7.9	8.3	8.3			7.75	7.75	8.8	24.3	
16	450136	Lê Đình Dũng	31/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Lĩnh	T	T	G	8.1	9.2	8.3			7.5	8.5	8.6	24.6	
17	450137	Lê Đình Việt Dũng	07/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS An Hoạch	T	T	G	7.9	9	7.3			7.25	8.25	7	22.5	
18	450138	Lê Khắc Dũng	09/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Cù Chính Lan	T	T	G	8.4	8.3	7.3			7.5	7.75	8.2	23.45	
19	450139	Lê Ngọc Dũng	07/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Trần Phú	T	T	G	8.1	8.5	7.7			7	7.75	3.4	18.15	
20	450140	Lý Xuân Dũng	15/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thiệu Khánh	T	Đ		7.2	6.9	6.3			7	8.25	6.4	21.65	
21	450141	Mai Bùi Tiến Dũng	20/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nguyễn Chích	T	K		7.5	8.4	6.6			7	8.75	5.2	20.95	
22	450142	Nguyễn Lê Quang Dũng	01/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Thịnh	T	K		7.6	6.8	7.5			7.25	6.25	8.6	22.1	
23	450143	Phạm Tiến Dũng	23/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thiệu Khánh	T	K		7.3	7.6	7.9			8.25	8.5	7	23.75	
24	450144	Phan Tiến Dũng	16/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nguyễn Chích	T	T	XS	9	9.2	9			8	9.25	9.4	26.65	

Danh sách này gồm có 24 thí sinh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
Thanh Hóa, ngày.....tháng.....năm 2026
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Trường THCS	KQ năm học lớp 9						Điểm cộng		Kết quả điểm thi				Ghi chú
						KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Văn	ĐTB Toán	ĐTB Anh	ƯT	KK	Văn	Toán	Anh	Tổng điểm	
1	450145	Trần Quang Dũng	16/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Khê	T	K		7.2	7.4	6.2			7	9.25	7	23.25	
2	450146	Trần Văn Dũng	17/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Trần Phú	T	T	G	8.4	7.8	8			7.5	8.5	8	24	
3	450147	Lê Đình Duy	31/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Hoàng	T	K		7	8.7	7.1			7.5	7.75	6	21.25	
4	450148	Lê Lệnh Khang Duy	01/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Minh	T	K		8.3	8.2	8			7.75	8.25	7.8	23.8	
5	450149	Nguyễn Đình Bảo Duy	28/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Hoàng	T	K		7.6	9.3	6.7			7	8.5	3.8	19.3	
6	450150	Nguyễn Đình Duy	15/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Tân	T	K		7.7	9	8.3			7.75	8.75	9	25.5	
7	450151	Nguyễn Hữu Mạnh Duy	19/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Cương	T	K		7.2	7.5	7.4			7	7.5	7.6	22.1	
8	450152	Nguyễn Mạnh Duy	25/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nguyễn Chích	T	T	G	7.3	8	7.4			7.5	8.75	8	24.25	
9	450153	Trần Khánh Duyên	20/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Thiệu Văn	T	T	G	7.6	7.8	8			7.5	8.25	7.6	23.35	
10	450154	Dương Khắc Châu Dương	16/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thiệu Dương	T	K		6.6	8	6.4			8.25	8.25	5	21.5	
11	450155	Lê Bá Dương	27/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Minh	T	T	G	8.1	7.7	7.7			7.75	8	7.6	23.35	
12	450156	Lê Cao Hà Dương	02/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Trần Phú	T	T	G	9	7.1	8.6			8	8	8.4	24.4	
13	450157	Lê Thị Ánh Dương	24/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Hoàng	T	K		8.1	8.3	7.5			8	8	7.6	23.6	
14	450158	Lê Thị Thùy Dương	17/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thiệu Dương	T	K		8	6.5	5.7			8.25	8	7	23.25	
15	450159	Lê Thùy Dương	05/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thiệu Khánh	T	Đ		8.3	5.6	6.2			7	7	6.2	20.2	
16	450160	Lê Văn Dương	11/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Thịnh	T	T	G	8.3	8.4	8.3			8	8.5	8.2	24.7	
17	450161	Lê Văn Thái Dương	28/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Khê	T	T	G	8.1	8.2	8.5			7.25	8.75	9.6	25.6	
18	450162	Nguyễn Hoàng Ánh Dương	27/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nguyễn Chích	T	T	G	8.4	8.2	7			8.75	8.75	7.8	25.3	
19	450163	Nguyễn Thùy Dương	13/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Thịnh	T	K		7.4	6.2	6.3			6.25	6.75	4.8	17.8	
20	450164	Nguyễn Tùng Dương	24/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nguyễn Chích	T	T	G	8.1	8.6	8.9			7.25	8.25	8.4	23.9	
21	450165	Phạm Tá Hải Dương	03/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Tiến	T	K		7.2	8.5	8			7	9	7.6	23.6	
22	450166	Phạm Thị Thùy Dương	04/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thiệu Khánh	T	K		8.5	7.9	6.9			8.25	8.5	5.8	22.55	
23	450167	Trần Nhật Dương	23/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Quang Trung	T	T	G	8.1	8.3	8.2			7.25	8.5	8.6	24.35	
24	450168	Trịnh Hồng Ánh Dương	12/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Tiến	T	K		6.5	8.5	8.4			7.5	8.25	8.8	24.55	

Danh sách này gồm có 24 thí sinh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
Thanh Hóa, ngày.....tháng.....năm 2026
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Trường THCS	KQ năm học lớp 9						Điểm cộng		Kết quả điểm thi				Ghi chú
						KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Văn	ĐTB Toán	ĐTB Anh	ƯT	KK	Văn	Toán	Anh	Tổng điểm	
1	450169	Nguyễn Lê Tâm Đan	21/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Cương	T	K		7.6	8.3	5.8			7.5	8	5.6	21.1	
2	450170	Âu Thành Đạt	26/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nguyễn Văn Trỗi	T	K		6.4	8	5.6			7	8.5	4.4	19.9	
3	450171	Hoàng Tiến Đạt	15/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Thọ	T	K		7.5	6.6	7.5			7.75	6	5.4	19.15	
4	450172	Lê Đình Tiến Đạt	05/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Ninh	T	K		6.8	6.1	6.7			7.25	6.5	2.8	16.55	
5	450173	Lê Văn Đạt	08/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Minh	T	K		7.7	8.5	6.8			6.5	7.5	5.4	19.4	
6	450174	Lê Văn Đạt	06/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Thanh	T	K		8.1	8.3	7.1			8	6.75	7.2	21.95	
7	450175	Lê Văn Đạt	24/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thiệu Dương	T	K		6.6	6.1	5.2			7	7.5	4	18.5	
8	450176	Lương Thành Đạt	06/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Thọ	T	T	G	7.9	9	8.1			7.75	8.5	6	22.25	
9	450177	Nguyễn Đình Phước Đạt	26/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Hòa	T	K		7	7.5	7.2			7.75	8	8.6	24.35	
10	450178	Nguyễn Quang Đạt	29/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS An Hoạch	T	T	G	8.2	8.7	8.1			8.25	8.5	7.6	24.35	
11	450179	Nguyễn Tiến Thành Đạt	17/03/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	THCS Nguyễn Chích	T	T	G	8	8.5	7.9			7.25	8.25	6.8	22.3	
12	450180	Phạm Trần Quốc Đạt	19/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS An Hoạch	T	K		6.9	8	8.1			7.25	8.25	8.4	23.9	
13	450181	Phan Đặng Tiến Đạt	23/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Minh	T	K		8.3	8.5	6.2			8	8	3.8	19.8	
14	450182	Trần Tiến Đạt	19/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Khê	T	K		7.4	7.2	6.8			7.5	8	8	23.5	
15	450183	Trịnh Quang Đạt	01/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Trần Phú	T	T	G	8.3	8.2	8.2			7.75	8.75	8	24.5	
16	450184	Lê Văn Hải Đăng	02/11/2011	Thành phố Huế	TH&THCS Thiệu Giao	T	K		7.7	8.6	6.7			6.25	8.75	6.4	21.4	
17	450185	Nguyễn Hải Đăng	06/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nguyễn Chích	T	T	XS	8	9	9.2			7.5	8.25	9.2	24.95	
18	450186	Nguyễn Văn Hải Đăng	20/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Điện Biên	T	K		7.7	7.2	6.6			7.25	7.25	6.2	20.7	
19	450187	Nguyễn Quang Diệp	22/04/2011	Thành phố Hà Nội	THCS An Hoạch	T	T	G	7.5	8.7	7.7			7	8.25	5.6	20.85	
20	450188	Lê Ngọc Minh Đoàn	28/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Tân	T	T	G	8.8	8.3	8.3			7.75	8.25	7.8	23.8	
21	450189	Trần Văn Mạnh Đông	19/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thiệu Khánh	T	Đ		6.6	5.6	6.7			6.75	6.75	4.8	18.3	
22	450190	Đỗ Thành Đồng	14/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Điện Biên	T	T	G	7.7	8.1	7.1			6.75	7.75	6.4	20.9	
23	450191	Nguyễn Đình Đồng	14/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nguyễn Chích	T	T	G	7.7	8.1	8.3			7	8.75	6	21.75	
24	450192	Lê Bá Đức	13/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Quang	T	T	G	8.4	9.2	8			7.5	8.25	7.2	22.95	

Danh sách này gồm có 24 thí sinh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
Thanh Hóa, ngày.....tháng.....năm 2026
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Trường THCS	KQ năm học lớp 9						Điểm cộng		Kết quả điểm thi				Ghi chú
						KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Văn	ĐTB Toán	ĐTB Anh	ƯT	KK	Văn	Toán	Anh	Tổng điểm	
1	450193	Lê Minh Đức	18/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nguyễn Chích	T	T	G	8.1	8.7	8.5			7.25	8.75	8.6	24.6	
2	450194	Lý Quang Đức	04/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nguyễn Chích	T	T	G	7.7	8.4	8.1			8	8	4.2	20.2	
3	450195	Nguyễn Minh Đức	26/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Trần Phú	T	K		6.6	7.6	8			6.5	7.5	8.6	22.6	
4	450196	Nguyễn Việt Đức	12/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Thịnh	T	K		7.5	8.1	7.1			7.75	8.75	4.2	20.7	
5	450197	Vũ Ngọc Minh Đức	17/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Minh Khai	T	K		7.2	6	6.7			7.25	7	3.6	17.85	
6	450198	Yên Văn Minh Đức	07/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Quảng Thắng	T	K		6.9	8.5	7.2			7	8.5	4.8	20.3	
7	450199	Cao Thị Lam Giang	17/01/2011	Thành phố Hải Phòng	THCS Đông Tiến	T	T	G	8.7	8.6	8.2			8.75	8.25	5.2	22.2	
8	450200	Dương Ngọc Giang	25/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thiệu Dương	T	Đ		5.6	7.3	6.4			7.25	8.5	5.6	21.35	
9	450201	Hà Minh Giang	24/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nguyễn Chích	T	K		7.4	7.3	7			7.75	7.5	7.6	22.85	
10	450202	Hồ Hương Giang	06/03/2011	Thành phố Hà Nội	THCS Nguyễn Chích	T	T	G	8.4	8.4	8.4			8	8.25	8.8	25.05	
11	450203	Lê Hương Giang	22/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Hoàng	T	K		7.4	8.1	7.7			7.75	5.75	3.4	16.9	
12	450204	Nguyễn Thị Hương Giang	08/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thiệu Khánh	T	K		7.4	7.7	6.9			6.75	8.5	7.8	23.05	
13	450205	Tổng Minh Giang	18/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Minh Khai	T	K		7.1	7	7.9			6.5	7.25	8.6	22.35	
14	450206	Bùi Thị Ngọc Hà	01/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Khê	T	K		7.8	6.4	5.6			7.75	8	4	19.75	
15	450207	Đỗ Bùi Ngọc Hà	04/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Điện Biên	T	T	G	8.4	8.7	6.8			8	8.75	7.2	23.95	
16	450208	Lê Khánh Hà	02/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Minh	T	T	XS	9.3	9.6	9.6			8.5	8.75	9.4	26.65	
17	450209	Lê Minh Hà	02/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nguyễn Chích	T	T	G	8.7	8.4	8.7			8.25	8.25	9.2	25.7	
18	450210	Lê Ngân Khánh Hà	02/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Th, Thcs&thpt Nobel	T	K		7	7.4	8			7.25	7.75	3.8	18.8	
19	450211	Lê Thị Minh Hà	12/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Minh	T	T	XS	9.2	9.4	9.7			9	8.5	9.6	27.1	
20	450212	Lê Việt Thu Hà	16/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Khê	T	T	G	8.3	8.2	8.5			8.75	8.75	9.4	26.9	
21	450213	Ngô Ngân Hà	18/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Tân	T	K		7.9	7	7.7			7.5	7.5	7.2	22.2	
22	450214	Nguyễn Ngọc Hà	24/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Anh	T	T	G	8.1	7.8	8			8	8	7.4	23.4	
23	450215	Nguyễn Việt Hà	13/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Anh	T	T	G	8	7.7	8			7.75	8.25	7	23	
24	450216	Phạm Thị Ngọc Hà	30/04/2011	Tỉnh Nghệ An	TH&THCS Đông Hoàng	T	K		7.8	7.8	6.9	1		8.5	8	1.6	19.1	

Danh sách này gồm có 24 thí sinh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
Thanh Hóa, ngày.....tháng.....năm 2026
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Trường THCS	KQ năm học lớp 9						Điểm cộng		Kết quả điểm thi				Ghi chú
						KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Văn	ĐTB Toán	ĐTB Anh	ƯT	KK	Văn	Toán	Anh	Tổng điểm	
1	450217	Trịnh Thị Thanh Hà	04/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Cương	T	K		7.3	6.3	5.5			8.5	6	5.4	19.9	
2	450218	Bùi Khắc Trung Hải	17/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Điện Biên	T	T	G	8.3	8.1	7.4			7.5	8.75	7.6	23.85	
3	450219	Lê Minh Hải	04/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nguyễn ChíCh	T	K		7.3	7	7.1			8	8.25	5.4	21.65	
4	450220	Nguyễn Đình Phong Hải	11/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Cù Chính Lan	T	T	G	8	8.5	7.7			8.25	8.5	7.2	23.95	
5	450221	Phạm Hoàng Hải	03/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Quảng Thắng	T	K		7.3	7.2	8			6	6.25	8	20.25	
6	450222	Phạm Trung Hải	18/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Quang Trung	T	T	G	7.5	8.7	7.1			6.25	8.25	7	21.5	
7	450223	Lê Thị Hạnh	14/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Khê	T	K		7.1	6	6.2			8	6.25	2.8	17.05	
8	450224	Đình Quốc Hào	31/07/2011	Tỉnh Vĩnh Long	THCS Đông Văn	T	K		7.3	8.5	8.5			7.5	9.25	9	25.75	
9	450225	Đỗ Minh Hằng	29/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Thọ	T	T	G	8.4	7.7	6.8			7.25	7.5	7.2	21.95	
10	450226	Đổng Thu Hằng	13/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Cương	T	K		7.7	8.1	6.4			8.25	7.75	6	22	
11	450227	Lê Thị Minh Hằng	03/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Khê	T	T	G	8	8.1	8.3			8.5	8.5	9	26	
12	450228	Lê Thị Minh Hằng	20/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Thịnh	T	K		7.4	8.1	7.2			8.25	8.5	7.6	24.35	
13	450229	Lê Thị Thanh Hằng	20/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Minh	T	T	XS	9.3	9.3	9			8.75	8.25	7.4	24.4	
14	450230	Lê Thu Hằng	25/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Ninh	T	T	G	7.9	8.1	8.1			7.25	8.5	7.2	22.95	
15	450231	Nguyễn Thị Minh Hằng	30/03/2011	Thành phố Hà Nội	PT Nguyễn Mộng Tuân	T	T	G	8.2	8.9	8.3			8	8.75	8.6	25.35	
16	450232	Dương Thị Hân	14/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thiệu Dương	T	Đ		7.3	6.7	6.4			8	8	5	21	
17	450233	Đoàn Gia Hân	08/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thiệu Dương	T	K		6.9	7.2	6	1		7.25	8.25	5.4	21.9	
18	450234	Hoàng Gia Hân	28/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Minh Khai	T	K		7.3	6.1	7.1			7.25	5.75	5.8	18.8	
19	450235	Trần Lê Bảo Hân	16/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Tân	T	T	G	8.2	9.4	9.5			7.25	8.25	9.2	24.7	
20	450236	Lê Văn Trung Hậu	07/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thiệu Khánh	T	K		6.6	7.7	6.9			6.5	8.25	5.4	20.15	
21	450237	Trần Thị Hải Hậu	26/07/2010	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thiệu Dương	T	K		7.5	7	6.1			7.75	8	6.2	21.95	
22	450238	Lê Hữu Hiệp	13/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Khê	T	Đ		6	6.3	6			6.25	7.5	4.6	18.35	
23	450239	Lê Tuyên Hiếu	27/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Minh	T	K		8.2	7.7	7.3			6.25	8	7.4	21.65	
24	450240	Lê Văn Hiếu	13/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Tân	T	T	G	7.9	7.6	8.1			6.5	7.75	7.4	21.65	

Danh sách này gồm có 24 thí sinh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
Thanh Hóa, ngày.....tháng.....năm 2026
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Trường THCS	KQ năm học lớp 9						Điểm cộng		Kết quả điểm thi				Ghi chú
						KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Văn	ĐTB Toán	ĐTB Anh	ƯT	KK	Văn	Toán	Anh	Tổng điểm	
1	450241	Nguyễn Đăng Hiếu	11/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Trần Phú	T	K		7.8	7.2	7.3			7	8.5	9	24.5	
2	450242	Nguyễn Trọng Hiếu	13/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Quang Trung	T	K		5.7	6.5	6.4			4.5	4.25	4.4	13.15	
3	450243	Trần Anh Hiếu	08/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nguyễn Chí	T	T	G	7.6	8.7	7.6			8	9.25	8.4	25.65	
4	450244	Trần Anh Hiếu	21/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Hoàng	T	T	G	8.1	9.3	7.5			7.25	8	7	22.25	
5	450245	Lê Thị Hoa	29/04/2010	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Bắc Sơn Sầm Sơn	T	Đ		5.9	6.8	5.7			7.25	7.25	2.6	17.1	
6	450246	Trần Lê Đình Hòa	10/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS An Hoạch	T	K		7	8.1	7.2			7.25	7.5	5.6	20.35	
7	450247	Lê Thị Hoài	14/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Khê	T	K		7.2	7.8	6.3			7	8.5	3.6	19.1	
8	450248	Lê Quang Duy Hoàn	22/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Anh	T	K		7	7	8.4			7.25	7.25	8	22.5	
9	450249	Nguyễn Ngọc Hoàn	19/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Quang Trung	T	T	G	8.1	8	8.1			7.25	8.5	7.2	22.95	
10	450250	Lê Đỗ Huy Hoàng	24/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Tân Sơn	T	K		7.6	7.9	5.3			7	8	6.4	21.4	
11	450251	Lê Sỹ Hoàng	09/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Ninh	T	Đ		6.4	7.8	6			6.75	7	4.4	18.15	
12	450252	Lê Việt Hoàng	06/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Anh	T	K		7.8	7.3	8			7.25	8	7.8	23.05	
13	450253	Nguyễn Công Huy Hoàng	22/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thiệu Khánh	T	Đ		6.3	6.4	5.7			7.25	7	5	19.25	
14	450254	Nguyễn Văn Minh Hoàng	26/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Minh	T	T	XS	9.1	9.1	9.4			7.5	8	9	24.5	
15	450255	Tổng Vũ Hoàng	10/04/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	THCS Trần Phú	T	K		7.5	7.1	7.5			6.5	8.25	8	22.75	
16	450256	Lê Thị Huệ	27/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Minh	T	K		8.4	8.6	7.8			7.5	7.75	8.6	23.85	
17	450257	Trịnh Thu Huệ	20/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS An Hoạch	T	T	G	8.9	8.1	8.6			8	7.75	9	24.75	
18	450258	Vũ Khánh Huệ	15/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Minh	T	T	G	8.7	8.7	8.1			8	7	7.8	22.8	
19	450259	Dương Công Bảo Hùng	27/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thiệu Dương	T	K		7.4	8	7.6			7.75	8	7.6	23.35	
20	450260	Nguyễn Hùng	27/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Ninh	T	T	G	7.5	8.8	8			8.25	8.5	8.8	25.55	
21	450261	Vũ Đình Hùng	29/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Điện Biên	T	T	G	7.7	8.5	7.1			6.5	8.75	8	23.25	
22	450262	Dương Gia Huy	17/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thiệu Dương	T	K		7.6	8	6.1			8	8	6	22	
23	450263	Hồ Đức Huy	21/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Thịnh	T	K		6.6	8.1	8.4			5.75	8	8.4	22.15	
24	450264	Lê Bá Huy	19/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Cương	T	K		7.1	6.8	6.8			6.25	7	6.2	19.45	

Danh sách này gồm có 24 thí sinh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
Thanh Hóa, ngày.....tháng.....năm 2026
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Trường THCS	KQ năm học lớp 9						Điểm cộng		Kết quả điểm thi				Ghi chú
						KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Văn	ĐTB Toán	ĐTB Anh	ƯT	KK	Văn	Toán	Anh	Tổng điểm	
1	450265	Lê Đình Thanh Huy	21/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Cương	T	K		7.2	7.5	5.6			7.5	8.25	5.2	20.95	
2	450266	Lê Đức Huy	09/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Hoàng	T	K		7.3	7.8	6.1			7.5	7.25	5	19.75	
3	450267	Lê Ngọc Huy	23/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Th, THCS&thpt Nobel	T	K		8.2	8.3	7.4			7.25	8.75	5.8	21.8	
4	450268	Lê Sỹ Công Huy	14/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Hoàng	T	T	G	8.2	9.7	7.7			8.25	9	8.6	25.85	
5	450269	Lê Sỹ Huy	13/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Tân	T	T	G	7.9	9	8.2			7	8.5	7.8	23.3	
6	450270	Lê Văn Quang Huy	29/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Khê	T	K		7.4	7.2	6.5			7.25	7.75	9	24	
7	450271	Lê Xuân Huy	20/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS An Hoạch	T	K		7.4	7.2	7.8			7.5	7.75	6.4	21.65	
8	450272	Nguyễn Gia Huy	11/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Khê	T	T	G	8.1	8.1	7.7			7.5	8.25	9.2	24.95	
9	450273	Nguyễn Gia Huy	07/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Tân Sơn	T	T	G	6.9	8	6.6			7.5	9	7.4	23.9	
10	450274	Nguyễn Quốc Huy	10/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Minh Khai	T	K		8.2	7.4	5.9			7	7.75	5.8	20.55	
11	450275	Nguyễn Tài Huy	17/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Th, THCS & THPT Đông Bắc Ga	T	K		7.6	7.5	7.6			7.75	7.75	7.4	22.9	
12	450276	Phan Quang Huy	08/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Cương	T	K		6.5	7.1	6.5			5.5	8	8	21.5	
13	450277	Thiều Quang Huy	08/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nguyễn Chích	T	K		7.1	6.3	8			7.5	8	7.8	23.3	
14	450278	Trần Minh Huy	03/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thiệu Dương	T	K		7.5	8	6.7			8	8.25	4	20.25	
15	450279	Trịnh Gia Huy	23/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Trần Phú	T	K		6.9	7.2	7.8			6.25	9	9.4	24.65	
16	450280	Lê Thị Huyền	04/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hàm Rồng	T	K		8.2	6.8	7.4			7.75	7.75	7	22.5	
17	450281	Lê Thị Thanh Huyền	29/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Thịnh	T	T	G	7.3	8.5	8.2			7.25	8.5	9	24.75	
18	450282	Nguyễn Thanh Huyền	18/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Minh	T	T	G	8.5	8.5	7.5			8	7.5	6.6	22.1	
19	450283	Phạm Thanh Huyền	14/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Hương	T	K		7	6.5	5.4			7.25	6.25	3.6	17.1	
20	450284	Trần Thị Khánh Huyền	03/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Ninh	T	K		7.5	6.6	6.3			7	7	5.8	19.8	
21	450285	Nguyễn Công Huỳnh	15/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thiệu Khánh	T	Đ		7.4	6.5	4.3			7.5	7.25	1.8	16.55	
22	450286	Hoàng Trọng Hưng	30/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Thịnh	T	K		7.9	7.3	6.5			8.5	7.75	4	20.25	
23	450287	Lê Chấn Hưng	29/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nguyễn Chích	T	T	G	7.5	8.1	8.5	1		6.75	8.75	9.2	25.7	
24	450288	Nguyễn Chí Hưng	11/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS An Hoạch	T	T	G	7.6	8.7	6.6			7	9	6.2	22.2	

Danh sách này gồm có 24 thí sinh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
Thanh Hóa, ngày.....tháng.....năm 2026
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Trường THCS	KQ năm học lớp 9						Điểm cộng		Kết quả điểm thi				Ghi chú
						KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Văn	ĐTB Toán	ĐTB Anh	ƯT	KK	Văn	Toán	Anh	Tổng điểm	
1	450289	Nguyễn Duy Hưng	11/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nguyễn Chích	T	T	G	8	9.4	8.7			7.5	9	8.6	25.1	
2	450290	Nguyễn Đăng Gia Hưng	30/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Minh	T	T	G	8.1	8.6	7.8			6.5	8.5	8.8	23.8	
3	450291	Lê Thị Lan Hương	16/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Hòa	T	K		7.2	7	6.6	1		7.75	8	5.8	22.55	
4	450292	Lê Thị Mai Hương	04/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Minh	T	T	G	8.9	8.6	7.4			8.25	7.75	8	24	
5	450293	Lê Thị Thu Hương	16/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Hoàng	T	K		7.3	7.4	7.2			8.25	8	4	20.25	
6	450294	Lê Thị Ngọc Khánh	16/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Tân	T	T	G	8.8	8.3	9			8.25	7.5	7.6	23.35	
7	450295	Lương Duy Khánh	07/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS An Hoạch	T	K		7.3	7.1	6.9	1		7.75	7.5	5.4	21.65	
8	450296	Nguyễn Đình Khánh	21/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nguyễn Chích	T	T	G	7.6	8.6	8.3			6.25	9	7	22.25	
9	450297	Nguyễn Đình Khánh	19/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Thịnh	T	K		6.5	7.5	6.5			6.5	7.25	4.8	18.55	
10	450298	Trịnh Xuân Khánh	02/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Khê	T	K		7.5	7.9	7.3			7.5	9.25	8.4	25.15	
11	450299	Nguyễn Đăng Khoa	20/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Cương	T	K		7.2	8.4	7.2			6	8.25	5.8	20.05	
12	450300	Nguyễn Trọng Khoa	17/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Minh	T	K		6.9	8.3	8			8	8.25	7.2	23.45	
13	450301	Nguyễn Ngọc Khôi	02/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Tân	T	T	XS	8.9	9.9	9.8			8.75	9.25	9.8	27.8	
14	450302	Lê Minh Khuê	17/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Thịnh	T	K		8.2	7.5	6.6			7.75	7.5	4.6	19.85	
15	450303	Hoàng Đình Kiên	24/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thiệu Khánh	T	Đ		6.6	6.5	6.1			7	7.5	6.4	20.9	
16	450304	Lê Quang Kiên	26/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Minh	T	K		7.2	8.5	6.5			6.75	7.75	5.6	20.1	
17	450305	Nguyễn Lương Trung Kiên	21/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thiệu Khánh	T	Đ		6.4	6	6.5			6.5	5.75	5.2	17.45	
18	450306	Nguyễn Lưu Trung Kiên	27/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Yên	T	K		6.8	7.8	6.5			8	7.75	5.8	21.55	
19	450307	Nguyễn Trung Kiên	30/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nguyễn Chích	T	T	G	8.1	8	9			7.5	8.75	7.8	24.05	
20	450308	Trần Trung Kiên	06/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Lĩnh	T	T	G	8.1	8.9	8.1			7.75	9.25	8.4	25.4	
21	450309	Mai Tuấn Kiệt	24/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nguyễn Chích	T	T	G	7.9	7.9	8			6.75	8.25	8.4	23.4	
22	450310	Nguyễn Đức Anh Kiệt	07/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Trần Phú	T	T	G	8.3	7.7	8.2			7.5	8	6.2	21.7	
23	450311	Trần Anh Kiệt	14/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Trần Phú	T	K		7.8	8.3	6.7			6.75	7.75	7	21.5	
24	450312	Phạm Doãn Kỳ	14/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Cương	K	K		6.7	6.9	6.2			7.25	7.5	5.2	19.95	

Danh sách này gồm có 24 thí sinh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
Thanh Hóa, ngày.....tháng.....năm 2026
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Trường THCS	KQ năm học lớp 9						Điểm cộng		Kết quả điểm thi				Ghi chú
						KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Văn	ĐTB Toán	ĐTB Anh	ƯT	KK	Văn	Toán	Anh	Tổng điểm	
1	450313	Lê Nguyễn Ngọc Lan	24/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Hoàng	T	K		7.4	8	7.5			7.5	5.25	2.8	15.55	
2	450314	Lê Tuệ Lâm	19/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Ninh	T	K		7.7	6.9	6.9			8.25	7.25	7.2	22.7	
3	450315	Dương Hoàng Linh	24/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thiệu Dương	T	K		6.6	6.3	6			7.25	7.25	3.8	18.3	
4	450316	Dương Thị Khánh Linh	19/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thiệu Dương	T	K		7.5	6.8	6.1			8.25	7.75	5.8	21.8	
5	450317	Dương Thị Thuý Linh	23/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thiệu Dương	T	K		7.4	7	6.1			7.25	7.75	6.2	21.2	
6	450318	Đỗ Thị Phương Linh	07/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nguyễn Chích	T	T	G	8.8	9	8.5			7.75	9.25	7.6	24.6	
7	450319	Lê Bảo Linh	26/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Khê	T	K		7.1	7.4	6.4			7.5	8	7.6	23.1	
8	450320	Lê Khánh Linh	06/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Hòa	T	T	G	8.4	8.5	8.4			8	8.25	9.4	25.65	
9	450321	Lê Nhật Linh	25/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Minh	T	T	G	8.6	8.8	8.3			7.5	8.25	8.6	24.35	
10	450322	Lê Phương Linh	02/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Thịnh	T	T	G	8.1	8.2	7.6			8.75	8.5	7.4	24.65	
11	450323	Lê Thị Diệu Linh	25/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Minh	T	K		6.6	6.2	5.4			6.75	4	4.2	14.95	
12	450324	Lê Thị Khánh Linh	18/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Anh	T	T	G	8.2	8.1	8.1			8.25	8	6.4	22.65	
13	450325	Lê Thị Khánh Linh	17/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Ninh	T	K		6.6	7.3	6.6			7.5	7.75	5.8	21.05	
14	450326	Lê Thị Trúc Linh	20/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Minh	T	K		7.8	7.8	7.1			8.5	7.75	7.6	23.85	
15	450327	Lê Văn Linh	11/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Minh	T	T	G	8.5	8.5	8.9			7.25	8	8.8	24.05	
16	450328	Lục Ngọc Khánh Linh	26/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Tân	T	K		8.4	6.8	6.1			7.5	7.25	7.6	22.35	
17	450329	Nguyễn Hà Linh	12/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Ninh	T	K		7	7.2	6.8			7.25	8	6.2	21.45	
18	450330	Nguyễn Hoàng Linh	20/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nguyễn Chích	T	T	G	8.7	7.8	8.7			7.75	8.25	8.8	24.8	
19	450331	Nguyễn Như Bảo Linh	11/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Trần Phú	T	K		7.5	5.6	7.4			6.5	8.25	7.8	22.55	
20	450332	Nguyễn Phương Linh	20/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nguyễn Chích	T	T	G	9	8.8	9.1			8.75	8.75	9	26.5	
21	450333	Nguyễn Thị Khánh Linh	02/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS An Hoạch	T	T	G	8.1	8.3	7			7.25	7.75	6.4	21.4	
22	450334	Nguyễn Thị Phương Linh	31/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Thịnh	T	T	G	8	8	8.2			7.5	8.5	7	23	
23	450335	Trần Diệu Linh	10/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nguyễn Chích	T	T	G	8.9	8.3	8.2			8	8.25	6	22.25	
24	450336	Trần Thị Phương Linh	10/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Trần Phú	T	T	G	8.3	8.8	7.2			7.25	9.25	6.8	23.3	

Danh sách này gồm có 24 thí sinh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
Thanh Hóa, ngày.....tháng.....năm 2026
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Trường THCS	KQ năm học lớp 9						Điểm cộng		Kết quả điểm thi				Ghi chú
						KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Văn	ĐTB Toán	ĐTB Anh	ƯT	KK	Văn	Toán	Anh	Tổng điểm	
1	450337	Trương Khánh Linh	04/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Hoàng	T	T	G	8	9.5	9.4			9	8	9.4	26.4	
2	450338	Lê Thị Khánh Loan	11/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Thịnh	T	K		7.8	6.4	7.2			8	7.75	7.2	22.95	
3	450339	Phạm Thị Kim Loan	09/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Tiến	T	T	G	8.6	8.3	8.1			8.5	8	8.4	24.9	
4	450340	Tổng Thị Mỹ Loan	02/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Hương	T	K		7.4	7.1	7.1			7.25	7.25	6.2	20.7	
5	450341	Trần Bảo Loan	15/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Thọ	T	T	G	8.1	7.3	8.4			8.25	7.75	7.4	23.4	
6	450342	Dương Ngọc Long	22/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thiệu Dương	T	K		7.8	7	6.8			8.5	7.75	6.2	22.45	
7	450343	Khuong Huy Gia Long	27/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nguyễn Chích	T	T	G	7.9	9.1	7.8			7	9.5	8.6	25.1	
8	450344	Nguyễn Đình Tuấn Long	15/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nguyễn Chích	T	T	G	8	8.4	8.9			8.5	8.25	9.2	25.95	
9	450345	Nguyễn Đức Long	02/09/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	THCS Đông Ninh	T	K		6.8	8.2	6.8			7.75	8.25	7.2	23.2	
10	450346	Phan Văn Long	28/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Anh	T	Đ		6.1	6.4	6.7			6.25	7.25	7.6	21.1	
11	450347	Lê Đại Lộc	09/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Trần Phú	T	K		8.1	6.3	7.7			8	7.25	5	20.25	
12	450348	Lê Huy Lộc	12/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Hoàng	T	T	G	7.8	9.5	7.9			8.25	9	8.4	25.65	
13	450349	Lê Trịnh Tấn Lộc	10/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nguyễn Chích	T	T	G	8.1	8.5	8.5			8.25	8.75	7.8	24.8	
14	450350	Nguyễn Tài Lộc	03/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Hòa	T	T	G	8.5	9.1	7.8			7.75	8.5	7.8	24.05	
15	450351	Trịnh Hữu Lợi	09/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Thịnh	T	K		7.2	8	7.5	1		7.75	8.25	8.2	25.2	
16	450352	Nguyễn Văn Luật	16/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nguyễn Chích	T	T	G	8.3	8.7	7.7			8	8.75	8	24.75	
17	450353	Phạm Đình Luyến	08/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Trần Phú	T	K		7.2	8.5	6.2			7	8.5	7	22.5	
18	450354	Lê Khánh Ly	04/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Trần Phú	T	K		7.7	6.9	5.1			8.25	7.75	5	21	
19	450355	Lê Thị Khánh Ly	18/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Khê	T	K		7.6	7.7	6.4			8	8.75	7.6	24.35	
20	450356	Lê Trúc Ly	13/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Minh	T	T	XS	8.6	9.1	9.8			8	7	9.2	24.2	
21	450357	Vũ Khánh Ly	27/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Thịnh	T	K		8.1	7.9	7.2			8	8.75	7	23.75	
22	450358	Bùi Thị Minh Mai	29/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Tân	T	T	G	7.7	7.2	8.5			7.5	7.25	7.2	21.95	
23	450359	Doãn Ngọc Mai	28/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Thịnh	T	K		7.6	6.9	8			7.75	8	8.2	23.95	
24	450360	Lê Ngọc Mai	17/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS An Hoạch	T	K		6.8	7.6	7.5			8	8.5	8	24.5	

Danh sách này gồm có 24 thí sinh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
Thanh Hóa, ngày.....tháng.....năm 2026
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Trường THCS	KQ năm học lớp 9						Điểm cộng		Kết quả điểm thi				Ghi chú
						KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Văn	ĐTB Toán	ĐTB Anh	ƯT	KK	Văn	Toán	Anh	Tổng điểm	
1	450361	Lê Thị Ngọc Mai	24/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Hoàng	T	T	G	8.1	9.2	8.4			8.75	8	8.4	25.15	
2	450362	Lê Thị Trúc Mai	20/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Thiệu Giao	T	T	G	8.6	8.4	8.1			8.25	8.25	7.4	23.9	
3	450363	Lê Tuyết Mai	15/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Thiệu Giao	T	T	XS	9.2	9.3	8.9			8.5	9	9	26.5	
4	450364	Nguyễn Ngọc Mai	06/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS An Hoạch	T	K		7.4	8	6.6			7.5	7.75	5	20.25	
5	450365	Nguyễn Phương Mai	19/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Quang Trung	T	T	G	8.3	7.6	7.5			8	8	7.2	23.2	
6	450366	Nguyễn Thị Mai	13/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Yên	T	T	G	9.1	9	8.1			9	8.75	7	24.75	
7	450367	Trần Thị Quỳnh Mai	05/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Minh	T	T	XS	9.2	9.4	9.5			9	8.25	9	26.25	
8	450368	Lê Văn Mạnh	19/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Khê	T	K		7.5	7.2	7.6			7.75	8.25	9	25	
9	450369	Đào Đức Minh	22/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nguyễn Chích	T	K		7.9	7.2	6.8			8.75	7.75	5.8	22.3	
10	450370	Lê Nam Minh	05/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Ninh	T	K		7.3	8.5	6.6			8.25	8	7.6	23.85	
11	450371	Lê Nguyễn Tuệ Minh	17/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Điện Biên	T	T	G	8.4	8.2	7.4			8.5	7.75	7	23.25	
12	450372	Lê Quang Minh	11/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nguyễn Chích	T	T	G	8	7.7	7.3			8.25	8.5	7.6	24.35	
13	450373	Lê Trường Minh	03/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Tiến	T	K		7.6	7.9	7.7			7.25	8	6.8	22.05	
14	450374	Lê Văn Minh	21/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Hoàng	T	Đ		5.8	7.8	6.3			5.75	5.25	5.2	16.2	
15	450375	Lê Văn Minh	05/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Ninh	T	K		6	8.3	7.1			7.25	7.5	6.2	20.95	
16	450376	Lê Viết Quốc Minh	01/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Khê	T	K		7.2	7.1	6.6			8	8.5	7.2	23.7	
17	450377	Lê Xuân Minh	05/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Minh	T	Đ		6.2	6.3	6.3			8	8	6.2	22.2	
18	450378	Mai Tuấn Minh	23/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Tân	T	T	XS	8.7	9.8	9.8			7.75	9.25	9.2	26.2	
19	450379	Nguyễn Bình Minh	04/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nguyễn Chích	T	T	G	7.5	8.5	7.2			7.25	8	6.8	22.05	
20	450380	Nguyễn Bình Minh	11/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Cương	T	K		7.3	7.9	7			7.5	7.25	6.2	20.95	
21	450381	Nguyễn Bình Minh	01/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Cương	T	K		7.1	8.3	7.4			6.5	7.75	8.4	22.65	
22	450382	Nguyễn Lường Minh	20/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thiệu Khánh	T	K		6.5	7.2	6.5			6.25	8.5	3.6	18.35	
23	450383	Nguyễn Quang Minh	14/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Trần Phú	T	T	G	8.1	6.8	8.2			7.75	7	6.8	21.55	
24	450384	Nguyễn Quốc Minh	11/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Thịnh	T	K		7.5	7	7			6	8.25	7.2	21.45	

Danh sách này gồm có 24 thí sinh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
Thanh Hóa, ngày.....tháng.....năm 2026
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Trường THCS	KQ năm học lớp 9						Điểm cộng		Kết quả điểm thi				Ghi chú
						KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Văn	ĐTB Toán	ĐTB Anh	ƯT	KK	Văn	Toán	Anh	Tổng điểm	
1	450385	Nguyễn Tuấn Minh	01/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Anh	T	K		7.5	7.4	7.1			7.75	8	4.6	20.35	
2	450386	Nguyễn Văn Nhật Minh	21/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Anh	T	Đ		6.3	6.4	5.6			7	8.5	5.2	20.7	
3	450387	Phạm Đức Minh	04/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nguyễn Chí	T	T	G	7.2	8.5	7.9			7.25	8.75	7.8	23.8	
4	450388	Trần Sỹ Minh	09/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Minh	T	K		7.7	7.5	7.1			8.25	6.25	7.2	21.7	
5	450389	Trịnh Bình Minh	15/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Minh	T	K		7.5	8.7	7.1			7.25	8.75	7.8	23.8	
6	450390	Trịnh Quang Minh	29/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Điện Biên	T	T	G	8.1	8.8	6.5			7.5	8.75	5.6	21.85	
7	450391	Lê Thị Huyền My	28/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Thịnh	T	T	G	8	8.1	7.9			8.75	8.25	8.4	25.4	
8	450392	Nguyễn Thị Trà My	27/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Cương	T	K		7.6	7.5	6.8			8.25	7.75	6.8	22.8	
9	450393	Phạm Thị Trà My	12/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Khê	T	K		6.6	6.6	7.2			7.75	4.25	6.4	18.4	
10	450394	Phùng Thị Huyền My	22/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS An Hoạch	T	T	G	7.5	8.5	9.2			6.5	7.75	9.2	23.45	
11	450395	Nguyễn Lê Na	22/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Lĩnh	T	T	G	8.3	7.9	8.1			7.5	8.5	6.4	22.4	
12	450396	Dương Văn Nam	02/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thiệu Dương	T	Đ		6.2	6.7	6			6.75	8	6.6	21.35	
13	450397	Hoàng Đình Nam	24/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Tân	T	T	G	7.8	8.5	9			7	8.25	9	24.25	
14	450398	Hồ Phương Nam	07/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Minh	T	T	G	8.3	8.3	7.1			7.75	7.75	6	21.5	
15	450399	Lê Hải Nam	14/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Điện Biên	T	K		8	5.8	8.3			6.75	7.25	7.6	21.6	
16	450400	Lê Xuân Nam	05/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Minh	T	K		7.6	8.3	7.5			7.25	7.75	6.6	21.6	
17	450401	Lê Xuân Nam	30/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Hoàng	T	K		7.4	8.5	5.7			6.75	8.75	5.2	20.7	
18	450402	Nguyễn Duy Nam	22/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Anh	T	K		7.2	7.6	7.2			7.75	8.75	8.2	24.7	
19	450403	Nguyễn Thành Nam	03/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS An Hoạch	T	K		6.4	7.5	6.8			7.25	8.5	4.8	20.55	
20	450404	Nguyễn Quỳnh Nga	29/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thiệu Khánh	T	K		7.9	6.6	7			7.75	8	6.8	22.55	
21	450405	Doãn Thị Thu Ngân	19/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Thịnh	T	K		7.9	7.7	6.7			8	7.5	5.6	21.1	
22	450406	Đặng Kim Ngân	16/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Thọ	T	Đ		5.3	5	5.1			5	4	4.6	13.6	
23	450407	Lê Kim Ngân	16/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nguyễn Chí	T	K		7.5	7	6.9			7.75	6.5	6	20.25	
24	450408	Nguyễn Hà Ngân	17/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Th, Thcs&thpt Nobel	T	T	G	8.2	7.2	8.5			7.25	7	5.4	19.65	

Danh sách này gồm có 24 thí sinh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
Thanh Hóa, ngày.....tháng.....năm 2026
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Trường THCS	KQ năm học lớp 9						Điểm cộng		Kết quả điểm thi				Ghi chú
						KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Văn	ĐTB Toán	ĐTB Anh	ƯT	KK	Văn	Toán	Anh	Tổng điểm	
1	450409	Phạm Thị Kim Ngân	20/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Thịnh	T	K		7.1	7.6	6.8			8	8.25	4	20.25	
2	450410	Nguyễn Văn Trần Nghĩa	01/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Anh	T	T	G	7	8.5	8.4			7.25	9	9.2	25.45	
3	450411	Trần Văn Đại Nghĩa	09/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Khê	T	K		7.8	7.6	6.6			8.5	8.5	8.4	25.4	
4	450412	Bùi Nguyễn Hồng Ngọc	20/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS An Hoạch	T	K		7.1	7.9	5.6			7.75	8.5	5.6	21.85	
5	450413	Choi Da Eun Khánh Ngọc	16/12/2011	Tỉnh Phú Thọ	Th, Thcs&thpt Nobel	T	K		7.6	6.8	9.1			7	5.5	7.6	20.1	
6	450414	Doãn Lê Bảo Ngọc	10/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Thịnh	T	T	G	8.4	8.6	7.1			8.75	8.5	5.2	22.45	
7	450415	Lê Khánh Ngọc	30/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Khê	T	K		7.5	7	5.3			8.75	8.5	7.4	24.65	
8	450416	Lê Phương Bảo Ngọc	29/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Ninh	T	K		7.1	7.1	6.7			8.5	7.25	6	21.75	
9	450417	Lê Thị Bảo Ngọc	29/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS An Hoạch	T	K		6.6	7.5	6.9			7.5	8	4.8	20.3	
10	450418	Lê Thị Khánh Ngọc	02/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Anh	T	T	G	8.1	6.5	6.5			7.5	6	4.8	18.3	
11	450419	Lê Thị Tuyết Ngọc	23/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Cương	T	K		6.5	7.5	8.3			8	7.75	7.6	23.35	
12	450420	Nguyễn Ánh Ngọc	10/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hàm Rồng	T	K		8.4	7.3	7.7			7.75	7.5	7.6	22.85	
13	450421	Nguyễn Bảo Ngọc	16/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Cương	T	K		8	7.6	6.5			7.25	7.75	5.8	20.8	
14	450422	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	28/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Quảng Thắng	T	K		7.3	7.9	6.4			7.75	7.75	6	21.5	
15	450423	Nguyễn Thị Như Ngọc	19/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS An Hoạch	T	T	G	8	8.2	7.1			8.5	7.75	8.4	24.65	
16	450424	Phạm Lê Bảo Ngọc	31/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Tiến	T	K		7.9	7.7	8.1			8.25	8	7.4	23.65	
17	450425	Phạm Tuấn Ngọc	08/01/2011	Tỉnh Đắk Lắk	THCS Đông Tiến	T	K		7.5	7.1	7.3	1		7.5	8.5	5.2	22.2	
18	450426	Phan Ánh Ngọc	28/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Anh	T	T	G	8.1	7.6	8.5			7.75	7.5	8.4	23.65	
19	450427	Tạ Bích Ngọc	23/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nguyễn Chích	T	T	G	8.3	7.8	8			8.25	8.25	7.2	23.7	
20	450428	Trịnh Bảo Ngọc	02/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thiệu Dương	T	K		6.1	6.7	5.7			7	7.75	5.4	20.15	
21	450429	Doãn Hữu Khôi Nguyên	22/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Thịnh	T	T	G	7.9	7.9	8.7			7.25	8.25	8.4	23.9	
22	450430	Lê Hạnh Nguyên	04/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nguyễn Chích	T	T	G	8	7.8	9.1			7.5	8.75	9.4	25.65	
23	450431	Lê Lệnh Khôi Nguyên	23/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Minh	T	K		7.5	7.6	7.6			7.25	8.25	8.8	24.3	
24	450432	Nguyễn Khánh Nguyên	13/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Trần Phú	T	T	G	8.5	6.9	8.2			7.75	7.25	7.4	22.4	

Danh sách này gồm có 24 thí sinh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
Thanh Hóa, ngày.....tháng.....năm 2026
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Trường THCS	KQ năm học lớp 9						Điểm cộng		Kết quả điểm thi				Ghi chú
						KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Văn	ĐTB Toán	ĐTB Anh	ƯT	KK	Văn	Toán	Anh	Tổng điểm	
1	450433	Thiều Quang Nguyên	01/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nguyễn Chích	T	T	G	7.4	8.3	7.8			7.5	8.25	6.4	22.15	
2	450434	Dương Thị Yến Nhi	27/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thiệu Dương	T	K		6.7	7.1	6.8			8	8	8	24	
3	450435	Đỗ Thị Phương Nhi	04/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Minh	T	T	G	8.1	7.7	7.1			7.75	7.25	7	22	
4	450436	Giang Kiều An Nhi	07/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Khê	T	K		6.8	5.4	5.7			7.75	6.25	2.4	16.4	
5	450437	Lê Thị Dung Nhi	30/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Minh	T	K		7.1	7.9	7.7			7.75	8	7.6	23.35	
6	450438	Lê Thị Yến Nhi	26/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Hoàng	T	T	G	8.7	9.6	9.1			8.5	8.5	9.8	26.8	
7	450439	Lê Thị Yến Nhi	05/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Cương	T	Đ		6.3	6.4	5.9			7.75	6.5	5.4	19.65	
8	450440	Lê Thị Yến Nhi	12/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Thịnh	T	K		7.7	7.4	6.4			8.5	8	5.2	21.7	
9	450441	Lê Thị Yến Nhi	20/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Minh	T	K		7.9	7.4	6.9			8.25	7.25	3	18.5	
10	450442	Lê Tuyết Nhi	05/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Quang Trung	T	K		7.5	7.5	7.3			8	8.5	7	23.5	
11	450443	Lê Yến Nhi	11/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thiệu Khánh	T	K		8.1	7.4	7			8	8	6.2	22.2	
12	450444	Lưu Thị Tâm Nhi	26/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hàm Rồng	T	K		7.4	7.5	5.8			7.5	7.5	3.6	18.6	
13	450445	Mai Hà Lâm Nhi	13/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nguyễn Chích	T	T	G	8	7.8	7.7			8	7.75	7.2	22.95	
14	450446	Nguyễn Đỗ Đông Nhi	19/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	PT Nguyễn Mộng Tuân	T	T	G	8.2	8.1	8			8	7.25	7.6	22.85	
15	450447	Nguyễn Hoàng Uyên Nhi	06/08/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	THCS Nguyễn Chích	T	T	G	8.5	8.3	7.7			8.5	8.25	7.6	24.35	
16	450448	Nguyễn Thị Bảo Nhi	22/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Cương	T	K		8.1	8.6	6			7.75	6.75	6	20.5	
17	450449	Nguyễn Thị Linh Nhi	05/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nguyễn Chích	T	T	G	8.1	7.8	8.9			7.75	7.75	8.4	23.9	
18	450450	Nguyễn Thị Yến Nhi	21/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Tiến	T	K		6.7	7.7	6.6			8	7.25	4.2	19.45	
19	450451	Trần Phương Nhi	12/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Tiến	T	K		7.7	7.4	7.6			8.25	8.25	3	19.5	
20	450452	Lại Thuý Nhiên	30/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Tân	T	T	G	8.8	9.2	9.7			8.25	8.25	9.8	26.3	
21	450453	Doãn Thị Hồng Nhung	10/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Thịnh	T	K		7.7	8.1	7.5			7.75	8.5	6.8	23.05	
22	450454	Nguyễn Thị Hồng Nhung	23/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Trần Phú	T	K		7.4	7.7	7.7			7.5	8	8.6	24.1	
23	450455	Nguyễn Trang Nhung	02/12/2011	Tỉnh Ninh Bình	THCS Đông Thọ	T	K		7.5	7.5	6.5			8	8.25	7	23.25	
24	450456	Trịnh Hồng Nhung	01/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thiệu Dương	T	K		7.1	5.2	6.6			7.75	6.25	7.4	21.4	

Danh sách này gồm có 24 thí sinh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
Thanh Hóa, ngày.....tháng.....năm 2026
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Trường THCS	KQ năm học lớp 9						Điểm cộng		Kết quả điểm thi				Ghi chú
						KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Văn	ĐTB Toán	ĐTB Anh	ƯT	KK	Văn	Toán	Anh	Tổng điểm	
1	450457	Lê Thị Kiều Như	26/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Cương	T	K		5.5	5.2	6.7			4.5	3.5	5.8	13.8	
2	450458	Nguyễn Bảo Như	11/04/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	THCS Đông Lĩnh	T	T	G	8.2	8.2	8			7.5	8.25	5.6	21.35	
3	450459	Nguyễn Thị Quỳnh Như	18/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Lĩnh	T	T	G	8.4	8.7	8.5			8	8.25	8.4	24.65	
4	450460	Phạm Quỳnh Như	15/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Tân	T	T	G	8.9	8.7	7.1			8	8.5	5.8	22.3	
5	450461	Lê Băng Phi	01/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Hoàng	T	K		8	8.9	7.6			7.75	8	5.8	21.55	
6	450462	Lê Duy Hoàng Phong	04/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Tân	T	K		6.8	5.6	6.7			6.25	7	7.2	20.45	
7	450463	Lê Huy Phong	28/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nguyễn Chích	T	T	G	7.9	8.5	8.2			8	8.25	5.8	22.05	
8	450464	Lê Phong	04/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Thịnh	T	T	G	7.8	8.5	8.2		0.5	6.75	8.75	7.6	23.6	
9	450465	Lê Trọng Kỳ Phong	24/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Minh	T	K		8.1	8.4	7.1			7	8.5	4.4	19.9	
10	450466	Lê Văn Tuấn Phong	13/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS An Hoạch	T	K		7.5	7.4	7.2			6.75	7.75	6	20.5	
11	450467	Lê Văn Vũ Phong	09/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nguyễn Chích	T	T	G	7.6	8	6.9			7.5	8	6.4	21.9	
12	450468	Nguyễn Anh Phong	15/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nguyễn Chích	T	T	G	7.4	7.3	8.1			6	8.25	9	23.25	
13	450469	Nguyễn Thanh Phong	27/06/2011	Thành phố Hà Nội	THCS Minh Khai	T	T	G	8.3	7.8	7.9			7.5	8.25	6.2	21.95	
14	450470	Nguyễn Tuấn Phong	07/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS An Hoạch	T	K		5.9	7.8	6.5			7.5	7.75	4.2	19.45	
15	450471	Nguyễn Văn Thanh Phong	16/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nguyễn Chích	T	K		7.3	6.6	6.6			8	8	8.6	24.6	
16	450472	Thị Văn Phong	31/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Thịnh	T	T	G	8.1	8.1	7.9			7.5	8.5	6.8	22.8	
17	450473	Ngô Minh Phú	16/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Tân	T	T	G	7.6	9.1	7.9			7.5	8.75	7.6	23.85	
18	450474	Hà Trọng Phúc	25/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Thịnh	T	T	G	7.8	8	8.3			7.75	8.25	8.6	24.6	
19	450475	Lương Văn Phúc	25/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nguyễn Chích	T	K		7.3	7	7.7			6.75	8.75	8	23.5	
20	450476	Nguyễn Đình Phúc	30/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nguyễn Chích	T	T	G	7.9	8.4	8.8			7.5	8.75	8.8	25.05	
21	450477	Nguyễn Mậu Duy Phúc	26/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nguyễn Chích	T	T	G	7.7	8.7	8.3			7	8.25	8.2	23.45	
22	450478	Nguyễn Minh Phúc	27/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Minh	T	K		8	8.6	8			7	8.75	8.6	24.35	
23	450479	Nguyễn Xuân Phúc	14/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nguyễn Chích	T	T	G	7.4	8.2	8.3			7	8	8.4	23.4	
24	450480	Vũ Hồng Phúc	08/01/2011	Thành phố Hải Phòng	THCS Đông Tiến	T	K		8.8	8.9	9.2			8	9	9	26	

Danh sách này gồm có 24 thí sinh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
Thanh Hóa, ngày.....tháng.....năm 2026
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Trường THCS	KQ năm học lớp 9						Điểm cộng		Kết quả điểm thi				Ghi chú
						KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Văn	ĐTB Toán	ĐTB Anh	ƯT	KK	Văn	Toán	Anh	Tổng điểm	
1	450481	Bùi Lê Huyền Phương	28/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nguyễn Chích	T	K		7.7	7.2	7.1	1		8.5	7.5	7	24	
2	450482	Doãn Thị Minh Phương	21/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Thịnh	T	T	G	7.9	8.3	8.5			7.75	8.75	8.6	25.1	
3	450483	Dương Thị Mai Phương	04/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thiệu Dương	T	T	G	7.6	8.1	8.1			7.25	8.5	7.6	23.35	
4	450484	Lê Nhã Phương	13/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Thọ	T	T	G	7.4	7	8			7	7.5	6	20.5	
5	450485	Lê Thị Hà Phương	02/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Ninh	T	T	G	8.4	8.9	8.6			8.25	9	8.2	25.45	
6	450486	Nguyễn Lan Phương	31/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS An Hoạch	T	T	G	8.4	9.1	8.1			8.5	8.5	8.4	25.4	
7	450487	Nguyễn Thị Mai Phương	05/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thiệu Khánh	T	K		7.6	7.1	7.1			8.25	7	7.4	22.65	
8	450488	Nguyễn Thị Phương	16/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nguyễn Chích	T	T	G	8.4	8.4	8.8			8	8.25	8	24.25	
9	450489	Nguyễn Thị Thu Phương	31/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Minh Khai	T	K		7.6	7.4	5.5			6.5	7.5	5.8	19.8	
10	450490	Vũ Thị Mai Phương	15/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Cương	T	K		7.9	7.6	8.2			6.75	8	9	23.75	
11	450491	Đỗ Việt Quang	18/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Quang Trung	T	T	G	8.4	9.1	8			8.5	8.75	9	26.25	
12	450492	Mai Huy Quang	12/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Tiến	T	K		7.8	8.8	9.2			7	8.25	9.8	25.05	
13	450493	Trần Đại Quang	19/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Lômônôxốp Tây Hà Nội	T	T	G	8.3	8.1	8.3			7.5	7.75	5.8	21.05	
14	450494	Hà Văn Quân	20/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thiệu Khánh	T	K		6.6	6.9	7.3			6.5	7.5	8	22	
15	450495	Hoàng Ngọc Quân	18/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Th, Thcs&thpt Nobel	T	K		7.1	7	7.9			5.25	6.25	6	17.5	
16	450496	Lê Đình Minh Quân	27/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Tiến	T	T	G	8.8	9.4	9.1			8.25	9.25	9.2	26.7	
17	450497	Lê Hoàng Quân	12/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Cương	T	T	G	8.2	7.4	7.6			7	7.25	4.4	18.65	
18	450498	Lê Hồng Quân	04/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Cương	T	K		7.6	7.7	6.3			7.25	7.25	6.4	20.9	
19	450499	Lê Văn Xuân Quân	13/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Minh	T	T	G	8.4	8.8	9.2			8	8.25	9.6	25.85	
20	450500	Lê Viết Hoàng Quân	20/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Khê	T	T	G	8.2	9.2	8.4			8.25	9.5	8.4	26.15	
21	450501	Lê Xuân Quân	30/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thiệu Dương	T	Đ		6.3	8.3	5.3			7.5	8	4.4	19.9	
22	450502	Ngô Khắc Quân	11/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thiệu Khánh	T	Đ		7	6.7	5.6			6.75	8.5	4.8	20.05	
23	450503	Nguyễn Công Anh Quân	21/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Khê	T	K		7.3	8.4	7			6.5	8.25	5.4	20.15	
24	450504	Nguyễn Mạnh Quân	20/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Thịnh	T	K		6.8	6.9	6.9			6	7	5	18	

Danh sách này gồm có 24 thí sinh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
Thanh Hóa, ngày.....tháng.....năm 2026
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Trường THCS	KQ năm học lớp 9						Điểm cộng		Kết quả điểm thi				Ghi chú
						KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Văn	ĐTB Toán	ĐTB Anh	ƯT	KK	Văn	Toán	Anh	Tổng điểm	
1	450505	Nguyễn Minh Quân	22/12/2010	Tỉnh Thanh Hóa	PT Nguyễn Mộng Tuân	T	T	G	8.1	8.1	8.5			6.5	7.25	8.2	21.95	
2	450506	Nguyễn Trung Quân	13/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nguyễn Chích	T	T	G	7.7	8.8	9.1			7.5	8.75	8.6	24.85	
3	450507	Nguyễn Văn Quân	30/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Cương	T	Đ		5.6	7.4	7			6.5	7.25	3.6	17.35	
4	450508	Phạm Văn Minh Quân	05/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thiệu Khánh	T	K		6.6	7.1	6.7			7	7.75	5.4	20.15	
5	450509	Trần Minh Quân	20/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nguyễn Chích	T	T	G	8.5	9.6	9.1			7.5	8.75	9.2	25.45	
6	450510	Dương Thị Bảo Quyên	07/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thiệu Dương	T	K		5.9	7.2	5.5			7.25	8.25	3	18.5	
7	450511	Nguyễn Vũ Quyên	15/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS An Hoạch	T	T	G	8	9	7.2			8.5	9	8	25.5	
8	450512	Trịnh Hoàng Bảo Quyên	15/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Trần Phú	T	T	G	7.3	8	9.5			7.25	8	9	24.25	
9	450513	Nguyễn Văn Đức Quyên	01/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nguyễn Chích	T	T	G	7.6	8.6	7.5			7.75	8.5	8.2	24.45	
10	450514	Phạm Tá Quyên	01/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Tiến	T	K		7.7	7.7	7			8	8	5.8	21.8	
11	450515	Đàm Thị Như Quỳnh	30/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Cương	T	T	G	8.3	7.1	8.3			7.75	7.5	8.6	23.85	
12	450516	Lê Thị Như Quỳnh	22/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Minh	T	K		8.1	8.3	7.2			7.75	7.75	6.6	22.1	
13	450517	Lê Thị Quỳnh	25/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Minh	T	K		7.9	8.1	6.5			7	7.5	4.8	19.3	
14	450518	Nguyễn Như Quỳnh	18/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Th, Thcs&thpt Nobel	T	T	G	8.2	8.3	8.5			8.25	8.25	1.8	18.3	
15	450519	Trần Thị Như Quỳnh	05/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thiệu Khánh	T	Đ		8.5	5.9	6.1			7.5	7.25	6.6	21.35	
16	450520	Nguyễn Đình Sang	27/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Tân Sơn	T	K		6.9	7.5	6.7			7.75	8.25	7.8	23.8	
17	450521	Lê Văn Sáng	21/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Ninh	T	K		7.3	6.5	6.7			7.25	7.5	6.4	21.15	
18	450522	Doãn Trọng Sơn	16/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Thịnh	T	K		7.2	8.8	7.1			7	8	6	21	
19	450523	Tổng Thanh Sơn	28/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Thanh	T	T	G	8.7	9.5	8.8			8.25	8.5	8.8	25.55	
20	450524	Trần Huy Sơn	18/04/2011	Tỉnh Ninh Bình	THCS Đông Tiến	T	T	G	8.9	8.5	9.5			8.25	8	9.2	25.45	
21	450525	Hà Trọng Tài	01/12/2010	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Trần Phú	T	K		8.2	7.1	7.9			5.75	7.25	4.6	17.6	
22	450526	Nguyễn Đức Tài	17/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nguyễn Chích	T	T	G	8	9	8.6			6.5	8.25	8.2	22.95	
23	450527	Trần Văn Anh Tấn	20/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Cương	T	K		6.6	6.4	5.6			5.5	7.5	3.6	16.6	
24	450528	Nguyễn Đức Thái	27/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Tân	T	K		7.9	7.7	8.3	1		6.75	8.25	8.6	24.6	

Danh sách này gồm có 24 thí sinh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
Thanh Hóa, ngày.....tháng.....năm 2026
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Trường THCS	KQ năm học lớp 9						Điểm cộng		Kết quả điểm thi				Ghi chú
						KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Văn	ĐTB Toán	ĐTB Anh	ƯT	KK	Văn	Toán	Anh	Tổng điểm	
1	450529	Lê Thị Thanh	02/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Thanh	T	T	G	8.1	8.8	7.3			7.5	8	4.4	19.9	
2	450530	Nguyễn Duy Thanh	28/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Điện Biên	T	K		7.2	8.1	7.3			7	8.5	8.4	23.9	
3	450531	Nguyễn Đăng Thanh	07/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Minh	T	T	G	8.6	9.1	8.8			7.5	8.25	9.4	25.15	
4	450532	Nguyễn Đức Thanh	15/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Trần Phú	T	T	G	8	7.5	8.7			6.75	7.5	8.6	22.85	
5	450533	Dương Đình Thành	12/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Cương	T	K		6.5	7.1	7			6.5	7.25	7.6	21.35	
6	450534	Nguyễn Hữu Thành	12/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nguyễn Chích	T	T	G	8.5	8.9	9.5			8	8.75	9.6	26.35	
7	450535	Nguyễn Nhất Thành	27/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Tân	T	T	G	8.3	9.2	9.1			8	9	9.6	26.6	
8	450536	Dương Thị Phương Thảo	03/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thiệu Dương	T	K		6.9	6.2	5.6			7.75	8	6.2	21.95	
9	450537	Lê Phương Thảo	13/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Tân	T	T	G	8	7.9	8.4			7.75	7.75	7.2	22.7	
10	450538	Lê Phương Thảo	17/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Anh	T	T	G	8.1	8.2	8			7.5	8.25	6.8	22.55	
11	450539	Lê Thanh Thảo	13/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Ninh	T	K		7.7	8.5	7.6			8.5	8.75	8.8	26.05	
12	450540	Lê Thị Diệu Thảo	24/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Minh	T	T	G	8.2	7.7	7.4			8.5	8	5.8	22.3	
13	450541	Lê Trần Phương Thảo	07/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Ninh	T	T	G	8.6	8.4	8.9			8.5	8.25	9.8	26.55	
14	450542	Nguyễn Thị Hương Thảo	01/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Hòa	T	K		8.2	6.8	6.7			8.25	7	5.4	20.65	
15	450543	Nguyễn Thị Phương Thảo	13/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Ninh	T	K		7.7	6.9	6.7			8.25	7.5	8	23.75	
16	450544	Nguyễn Thị Phương Thảo	15/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thiệu Khánh	T	K		7.5	6.9	6.1			7.5	7.25	6.4	21.15	
17	450545	Nguyễn Thị Phương Thảo	08/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS An Hoạch	T	T	G	8.2	9	7.6			8	8.75	8.4	25.15	
18	450546	Phan Thị Thanh Thảo	11/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Th, Thcs&thpt Nobel	T	T	G	8.2	8	8.4			7.5	6.75	5.4	19.65	
19	450547	Thiều Thị Phương Thảo	06/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Tân	T	K		7.9	7.6	6			7.25	7.75	5.6	20.6	
20	450548	Lê Văn Thắng	07/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Thịnh	T	T	G	8.1	8.1	8			7.75	8.75	7.6	24.1	
21	450549	Cao Ngọc Thế	31/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Cương	T	K		8.2	7.5	7.7			5.5	7.25	5.4	18.15	
22	450550	Lê Thị Thiện	20/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Thịnh	T	K		7	7	6.7			7	7.5	6	20.5	
23	450551	Lê Văn Thông	18/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Tân	T	K		7.2	8.2	6.5			6.75	8	7.4	22.15	
24	450552	Lê Minh Thùy	16/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Ninh	T	K		6.5	6	6.7			6.25	7.25	5.4	18.9	

Danh sách này gồm có 24 thí sinh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
Thanh Hóa, ngày.....tháng.....năm 2026
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Trường THCS	KQ năm học lớp 9						Điểm cộng		Kết quả điểm thi				Ghi chú
						KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Văn	ĐTB Toán	ĐTB Anh	Ưu	Kh	Văn	Toán	Anh	Tổng điểm	
1	450553	Nguyễn Phương Thùy	17/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Yên	T	T	G	8.3	9.2	8.1			8.5	8.75	7.6	24.85	
2	450554	Nguyễn Thị Thùy	04/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Tân	T	K		7.5	8.5	8.3			7.25	7.75	5.8	20.8	
3	450555	Đỗ Thị Minh Thư	03/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Minh	T	K		7.5	7.2	7			8	7.5	3.2	18.7	
4	450556	Hà Anh Thư	20/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Khê	T	T	G	8.3	8.2	8.2			8.5	9	8.8	26.3	
5	450557	Hà Anh Thư	28/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Ninh	T	K		8.2	7.3	7.3			8	8	8.4	24.4	
6	450558	Nguyễn Anh Thư	15/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Minh	T	K		7.1	6.6	7			7.75	6.75	4.8	19.3	
7	450559	Trần Lê Minh Thư	30/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Cương	T	K		6.9	7.1	6.5			7.5	6.5	6.8	20.8	
8	450560	Lê Thị Thương	23/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Cương	T	T	G	8.4	8.6	7.6			7.5	8	7.2	22.7	
9	450561	Lê Thị Thương	28/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Ninh	T	K		7.1	7.2	6.8			7.75	8.25	6	22	
10	450562	Thiều Thị Hoài Thương	29/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Tiến	T	T	G	8	8.1	7.6			8.75	8.75	6.8	24.3	
11	450563	Phạm Thị Thủy Tiên	13/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Anh	T	T	G	8.3	9.1	8.3			8.5	8.75	8.4	25.65	
12	450564	Nguyễn Anh Tiến	04/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Điện Biên	T	T	G	8.2	7.1	7			7.5	8	8.4	23.9	
13	450565	Nguyễn Văn Tiến	07/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Tiến	T	K		7.4	8	6.2			7.5	8.75	2.8	19.05	
14	450566	Thiều Quang Tiến	10/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Tiến	T	K		7.6	8.2	6.8			7.5	8.5	7	23	
15	450567	Lê Bá Toàn	12/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Hòa	T	T	G	8.5	8.8	8			7.75	8.5	7.4	23.65	
16	450568	Lê Kinh Toàn	20/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Khê	T	K		6.1	6.7	5.6			5.75	7.75	5.4	18.9	
17	450569	Doãn Khánh Trà	30/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS An Hoạch	T	T	G	8.1	8.9	8			7	8.75	6.4	22.15	
18	450570	Lê Thị Thanh Trà	18/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Quảng Thắng	T	T	G	8	8.4	6.9			7.25	8.25	5.8	21.3	
19	450571	Thiều Văn Trà	04/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Tân	T	T	G	8.1	8.2	8.7			7.25	8	8	23.25	
20	450572	Hoàng Thuý Trang	22/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Thịnh	T	T	G	7.7	8	8.5			7.5	8.5	9	25	
21	450573	Lại Thị Thùy Trang	25/10/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	THCS Đông Tân	T	T	G	8.2	8.3	8			7	8	5.2	20.2	
22	450574	Lê Nguyễn Bảo Trang	07/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thiệu Khánh	T	Đ		7.2	6.2	6			6.25	8	5.6	19.85	
23	450575	Lê Thị Huyền Trang	16/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Minh	T	K		8	7	7.1			6.25	6.75	6.8	19.8	
24	450576	Lê Thị Thu Trang	30/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Khê	T	K		7.9	6.7	6.1			7.75	7.5	7.8	23.05	

Danh sách này gồm có 24 thí sinh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
Thanh Hóa, ngày.....tháng.....năm 2026
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Trường THCS	KQ năm học lớp 9						Điểm cộng		Kết quả điểm thi				Ghi chú
						KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Văn	ĐTB Toán	ĐTB Anh	ƯT	KK	Văn	Toán	Anh	Tổng điểm	
1	450577	Nguyễn Huyền Trang	11/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Cương	T	K		7.2	6.2	6.1			8	7	1.8	16.8	
2	450578	Nguyễn Thị Mai Trang	14/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Cương	T	K		7.9	7.3	6.5			8	7.25	7.2	22.45	
3	450579	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	07/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Tiến	T	K		7.2	7.2	7.2			8	7.5	6.2	21.7	
4	450580	Phạm Quỳnh Trang	01/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Điện Biên	T	T	G	8.3	7.4	7.1			7.75	7.5	4.8	20.05	
5	450581	Phạm Thị Huyền Trang	29/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	PT Nguyễn Mộng Tuân	T	K		8.1	7.5	7.6			7.5	6.75	5.2	19.45	
6	450582	Thiều Mai Trang	15/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Tân	T	K		7.5	8.1	7.7			6.75	8.5	5.4	20.65	
7	450583	Trần Thị Trang	29/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Cương	T	K		7.2	7.3	6.8			5.5	8	5.8	19.3	
8	450584	Hồ Thị Ngọc Trâm	16/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Anh	T	T	G	8.1	7.7	8.2			7.75	8	7	22.75	
9	450585	Lại Thị Ngọc Trâm	08/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Tân	T	K		7.8	7.2	7.6			8	7.5	8.2	23.7	
10	450586	Nguyễn Quỳnh Trâm	22/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Tân Sơn	T	T	G	8	7.5	6.7			7	7.5	7.6	22.1	
11	450587	Nguyễn Thùy Trâm	11/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Khê	T	K		7.4	7.2	6			7.25	8.5	7.4	23.15	
12	450588	Nguyễn Thị Bảo Trân	08/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nguyễn Chích	T	T	G	8.4	8	8			8	8.25	5	21.25	
13	450589	Nguyễn Minh Trí	26/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Lĩnh	T	T	G	8.3	8.5	8.2			6.75	8	9.2	23.95	
14	450590	Doãn Thị Thanh Trúc	25/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Thịnh	T	K		6.9	8.1	7			6	7.75	3.2	16.95	
15	450591	Lê Thị Thanh Trúc	28/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Cương	T	T	G	8	7.5	6.8			8.25	7.25	7.8	23.3	
16	450592	Lê Thị Thùy Trúc	20/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Tân	T	K		7.6	7	7.8			8	7	5.8	20.8	
17	450593	Nguyễn Hữu Trung	30/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Tân	T	T	G	8.8	8	9.3			7.75	8.5	9.6	25.85	
18	450594	Phạm Văn Thành Trung	06/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Tiến	T	K		8.1	8	8.2			8	8.25	7.4	23.65	
19	450595	Trần Văn Trung	08/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Ninh	T	K		6.9	8.5	6.2			8	8.25	6.6	22.85	
20	450596	Lê Bá Long Trường	16/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Minh	T	T	G	8.5	9	8.2			7.75	9	7.6	24.35	
21	450597	Lê Đình Minh Trường	08/08/2011	Tỉnh Quảng Ngãi	TH&THCS Đông Khê	T	K		6.7	7.5	6.6			7	8.75	7.6	23.35	
22	450598	Lôi Xuân Trường	09/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Th, THCS & THPT Đông Bắc Ga	T	K		6.6	8.1	8			5.25	8.25	8.2	21.7	
23	450599	Trần Tiến Trường	28/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nguyễn Chích	T	K		7.1	7.5	8.3			7.25	8	7	22.25	
24	450600	Dương Khắc Tuấn Tú	30/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thiệu Dương	T	Đ		5.4	6.5	5.5			6.5	8.5	2.8	17.8	

Danh sách này gồm có 24 thí sinh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
Thanh Hóa, ngày.....tháng.....năm 2026
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Trường THCS	KQ năm học lớp 9						Điểm cộng		Kết quả điểm thi				Ghi chú
						KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Văn	ĐTB Toán	ĐTB Anh	ƯT	KK	Văn	Toán	Anh	Tổng điểm	
1	450601	Lê Hữu Thiên Tú	01/11/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	TH&THCS Thiệu Giao	T	K		7.1	8	6.7			7.75	8.5	5	21.25	
2	450602	Nguyễn Tài Tú	13/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nguyễn Chích	T	T	G	7.8	8.9	8.8			8	8.25	7.2	23.45	
3	450603	Nguyễn Tuấn Tú	26/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thiệu Dương	T	Đ		7.1	6.8	5.9			7.5	7.5	6.6	21.6	
4	450604	Nguyễn Bá Tuấn	17/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thiệu Khánh	T	Đ		8.2	6.3	6.4			7.75	6.5	6.8	21.05	
5	450605	Lê Anh Tuấn	06/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Tân	T	K		8.1	8.1	5.9			7.75	8.25	6.8	22.8	
6	450606	Lê Anh Tuấn	16/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Minh Khai	T	K		7.9	7.6	6.7			7	7.75	7	21.75	
7	450607	Lê Viết Anh Tuấn	28/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Ninh	T	K		7.2	7.4	5.8			7.25	8.25	7.2	22.7	
8	450608	Thiều Quang Anh Tuấn	14/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nguyễn Chích	T	T	G	8	9.2	8.7			7.08	9.25	8.4	24.73	
9	450609	Dương Anh Tùng	22/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thiệu Dương	T	K		7.2	5.4	6.5			7.5	8	8.2	23.7	
10	450610	Dương Trọng Tùng	23/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thiệu Dương	T	Đ		6.9	5.7	5.8			7.25	6.5	2	15.75	
11	450611	Lê Duy Tùng	28/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Thịnh	T	K		7.6	6	7.6			8	7.25	8.4	23.65	
12	450612	Lê Đình Tùng	16/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Thịnh	T	T	G	8.1	8.5	8.6			8	8.75	8.8	25.55	
13	450613	Lê Thiều Tùng	06/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nguyễn Chích	T	T	G	7.7	9	7.9			7.75	9	8	24.75	
14	450614	Tổng Xuân Tùng	04/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Cù Chính Lan	T	T	G	8.2	8.4	6.5			8.25	8.25	8.6	25.1	
15	450615	Đàm Văn Tuyên	05/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Cương	T	K		7.2	6.9	6.5			7	8	5.2	20.2	
16	450616	Phạm Thị Thanh Tuyên	31/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thiệu Khánh	T	K		7.4	7.1	6.4			6.75	7.75	5.2	19.7	
17	450617	Mai Thị Ánh Tuyết	07/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thiệu Khánh	T	K		7.5	8.1	6.6			6.25	8.25	6	20.5	
18	450618	Phạm Thị Ánh Tuyết	23/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Ninh	T	K		7.5	8	7.3			8.5	8	8	24.5	
19	450619	Lê Thị Thu Uyên	29/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Tiến	T	T	G	9	9.3	8.9			8.5	9.5	9.2	27.2	
20	450620	Nguyễn Ngọc Nhã Uyên	23/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Tân	T	K		8.1	7.3	8.6			6.5	8	7.2	21.7	
21	450621	Nguyễn Trúc Uyên	18/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nguyễn Chích	T	T	G	8	7.5	7.4			7.25	8.5	7.6	23.35	
22	450622	Trịnh Thu Uyên	08/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Minh	T	T	G	8.8	7.9	8.4			8.75	7.25	8.4	24.4	
23	450623	Nguyễn Thiện Văn	03/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Tân	T	K		7.6	7.6	6			7.5	8.5	2.8	18.8	
24	450624	Bùi Thanh Văn	12/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nguyễn Chích	T	T	XS	8.5	9.1	9.2			7.75	9.25	9	26	

Danh sách này gồm có 24 thí sinh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
Thanh Hóa, ngày.....tháng.....năm 2026
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Trường THCS	KQ năm học lớp 9						Điểm cộng		Kết quả điểm thi				Ghi chú
						KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Văn	ĐTB Toán	ĐTB Anh	ƯT	KK	Văn	Toán	Anh	Tổng điểm	
1	450625	Cao Thị Vân	01/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thiệu Dương	T	K		7.7	5.8	5.8			7.75	7.25	5.2	20.2	
2	450626	Nguyễn Mỹ Vân	02/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Cương	T	K		7.6	7.3	5.9			7.75	8	3.4	19.15	
3	450627	Nguyễn Thảo Vân	14/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS An Hoạch	T	T	G	8	7.8	7.7			8	7.25	5.8	21.05	
4	450628	Thiều Khánh Vân	01/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Tiến	T	K		9	8.4	7.7			8.25	8.25	7.4	23.9	
5	450629	Lê Thị Khánh Vi	09/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Ninh	T	T	G	8.6	8.1	8.3			7.75	8.25	7.4	23.4	
6	450630	Lê Bá Việt	05/04/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	THCS Đông Ninh	T	Đ		7	6	5.7			7.5	6.5	5	19	
7	450631	Lê Đăng Quốc Việt	02/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Hoàng	T	K		7.5	8.9	6.7			7.5	8.5	6.8	22.8	
8	450632	Nguyễn Duy Việt	29/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Thịnh	T	K		8.2	7.8	8.2			7.5	8.5	9	25	
9	450633	Dương Khắc Vinh	02/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thiệu Dương	T	K		7.6	7	6.5			7	8.25	7.2	22.45	
10	450634	Lê Bá Vinh	18/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Tiến	T	T	G	8.8	9	8.5			8	7.75	6.8	22.55	
11	450635	Lê Thành Vinh	05/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Tân	T	T	G	7.1	8.1	7.7			7.08	7.25	4.4	18.73	
12	450636	Nguyễn Thế Vinh	13/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Lê Lợi	T	T	G	8.7	9.1	7.4			8.5	8.75	7	24.25	
13	450637	Nguyễn Văn Vinh	03/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Hương	T	Đ		6	5.7	5.8			6.5	6.5	4.4	17.4	
14	450638	Phạm Đăng Vinh	14/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thiệu Khánh	T	K		8.3	8.7	8.2			6.5	7.75	8.6	22.85	
15	450639	Lê Văn Vũ	15/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Khê	T	K		7.3	7.8	6.1			7.75	8.5	7.6	23.85	
16	450640	Nguyễn Quốc Vũ	21/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Điện Biên	T	K		7.5	6.5	6.4		1.5	6.5	6.5	5.2	19.7	

Danh sách này gồm có 16 thí sinh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
Thanh Hóa, ngày.....tháng.....năm 2026
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Trường THCS	KQ năm học lớp 9						Điểm cộng		Kết quả điểm thi				Ghi chú
						KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Văn	ĐTB Toán	ĐTB Anh	ƯT	KK	Văn	Toán	Anh	Tổng điểm	
1	450641	Dương Thị Hà Vy	01/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thiệu Dương	T	K		6.3	6.9	7.1			8	7.75	7.8	23.55	
2	450642	Đỗ Khánh Vy	30/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Anh	T	T	G	8	6.6	8			7.75	7.5	7.2	22.45	
3	450643	Lê Nguyễn Bảo Vy	19/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS An Hoạch	T	T	G	8.9	7.9	9			5.5	7.75	8.2	21.45	
4	450644	Lê Phương Vy	03/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thiệu Khánh	T	K		7.9	6.6	6.5			7	8.25	6.6	21.85	
5	450645	Lê Thị Hà Vy	20/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Hoàng	T	K		7.5	7.9	6			7.5	8.25	2.2	17.95	
6	450646	Lê Thị Hà Vy	28/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Minh	T	K		8.3	8	7.7			7	6.75	6.2	19.95	
7	450647	Nguyễn Ngọc Phương Vy	04/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Cương	T	K		7.5	6.7	6.6			6.5	7.75	6.8	21.05	
8	450648	Nguyễn Phương Vy	27/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	PT Nguyễn Mộng Tuấn	T	T	G	8.2	8	8.6			8	8	8.6	24.6	
9	450649	Nguyễn Thị Phương Vy	23/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Khê	T	K		7.1	6.7	5.7			7.25	7	4	18.25	
10	450650	Thiều Hạ Vy	07/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nguyễn Chích	T	T	G	8.6	8.5	8.6			8.5	8.25	9.4	26.15	
11	450651	Trương Hoàng Vy	16/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Hoàng	T	T	G	8.3	9.2	9.4			8.25	8.5	9.6	26.35	
12	450652	Trương Tường Vy	16/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nguyễn Chích	T	K		7.9	7.7	7			8	8	6.6	22.6	
13	450653	Lê Đại Vy	30/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Trần Phú	T	T	G	8.2	6.8	7.1			6	7.5	4.6	18.1	
14	450654	Nguyễn Hà Như Ý	27/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Hòa	T	K		8.4	7.7	7	1		8	8.5	8.4	25.9	
15	450655	Hà Hải Yến	04/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Tân	T	K		7.6	7	7.7	1		7.75	6.75	5.4	20.9	
16	450656	Nguyễn Hải Yến	09/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Đông Thịnh	T	T	G	8.2	8.1	6.6			7.5	8.25	7	22.75	

Danh sách này gồm có 16 thí sinh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
Thanh Hóa, ngày.....tháng.....năm 2026
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)